



## Mục lục

---

### TIN TỨC

---

- 3 Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị tổng kết công tác Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016-2021

---

### NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

---

- 12 VŨ VĂN HIỀN:

Phải chăng đổi mới đã cạn kiệt nguồn lực?

- 19 NGUYỄN QUANG THUẤN:

Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng

---

**30 PHẠM VĂN LINH:**

**Thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, sớm đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình cao**

---

**44 PHAN XUÂN TUY:**

**Tính khoa học, hiện thực và khả thi của các quan điểm chỉ đạo và giải pháp của Đại hội XIII**

---

**LÝ LUẬN - THỰC TIỄN**

---

**56 \*\*\* Một số kết quả công tác của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016-2021**

---

**THÔNG TIN - TƯ LIỆU**

---

**68 Hội đồng Lý luận Trung ương tổng kết nhiệm kỳ 2016 - 2021**

---

# BÀI PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG TẠI HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG NHIỆM KỲ 2016-2021

Ngày 17/4, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương đã tổ chức hội nghị tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2016-2021, bàn phương hướng, nhiệm vụ công tác nhiệm kỳ 2021-2026. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng dự và phát biểu chỉ đạo hội nghị. Tòa soạn trân trọng giới thiệu toàn văn bài phát biểu:



*Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đến dự và phát biểu chỉ đạo Hội nghị tổng kết Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016-2021; phương hướng, nhiệm vụ công tác nhiệm kỳ 2021-2026, Hà Nội, ngày 17/4/2021.*

“Thưa các vị đại biểu,

Thưa các đồng chí,

Hôm nay, tôi rất vui mừng được đến dự Hội nghị tổng kết công tác nhiệm kỳ 2016 - 2021 của Hội đồng Lý luận Trung ương. Với tình cảm của một người ít nhiều có quan hệ gắn bó với công việc của Hội đồng và tình đồng chí, đồng nghiệp thân thiết, tôi thân ái gửi tới các đồng chí và qua các đồng chí gửi tới toàn thể anh chị em làm công tác lý luận chính trị cả nước lời thăm hỏi chân tình và lời chúc mừng tốt đẹp nhất; chúc các đồng chí luôn luôn vui khỏe, hạnh phúc và thành công.

Tôi được biết, các đồng chí đã chuẩn bị rất kỹ cho Hội nghị quan trọng này. Trên cơ sở tổng kết, đánh giá hoạt động của Hội đồng trong nhiệm kỳ 2016 - 2021, các đồng chí đã xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác cho nhiệm kỳ 2021 - 2026 và các nhiệm kỳ tới. Qua Báo cáo của các đồng chí và các ý kiến phát biểu tại Hội nghị, tôi cơ bản đồng tình, đánh giá cao các kết quả mà Hội đồng đã đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua (2016 - 2021), cũng như những phương hướng, nhiệm vụ đề ra cho thời gian tới. Sau đây tôi xin

tham góp một số ý kiến có tính chất nhấn mạnh hoặc gợi mở thêm để các đồng chí tham khảo.

1. Về kết quả công tác của nhiệm kỳ 2016 - 2021

Có thể nói, đó là những kết quả to lớn, tương đối toàn diện, rất đáng trân trọng. Nổi bật là:

- Hội đồng đã luôn bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ, phát huy các mặt thuận lợi, kinh nghiệm hoạt động và thế mạnh của Hội đồng, khắc phục các khó khăn, thách thức, triển khai một khối lượng lớn công việc, có bước tiến mới, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, đặc biệt là đã thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu, tư vấn; xây dựng một số báo cáo tư vấn có chất lượng, góp phần giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị ban hành các nghị quyết, kết luận quan trọng về các vấn đề như: Xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; định hướng phát triển kinh tế

tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế; xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược, có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; định hướng nhiệm vụ, giải pháp phát triển bền vững kinh tế biển v.v...

- Hội đồng đã tổ chức triển khai, quản lý một cách khá chặt chẽ, bài bản, có hiệu quả Chương trình nghiên cứu lý luận chính trị giai đoạn 2016 - 2020 (KX.04/16-20). Các sản phẩm nghiên cứu của Chương trình có giá trị lý luận và thực tiễn, được chất lọc kịp thời báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và góp phần thiết thực vào quá trình xây dựng dự thảo một số nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và xây dựng dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng.

- Hội đồng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ

sung, phát triển) năm 2011. Qua tổng kết đã làm rõ thêm quá trình phát triển nhận thức lý luận của Đảng, những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới; những hạn chế, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau cần giải quyết, và bước đầu đề xuất, kiến nghị một số quan điểm, định hướng nhằm từng bước hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới, phát triển đất nước nhanh và bền vững, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam trong giai đoạn mới.

Tôi đặc biệt hoan nghênh và ghi nhận tinh thần trách nhiệm, tích cực, chủ động của Hội đồng, các Tiểu ban của Hội đồng, nhất là Thường trực Hội đồng trong việc tham gia xây dựng dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng, trọng tâm là dự thảo Báo cáo chính trị, dự thảo Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng. Thường trực Hội đồng và nhiều đồng chí uỷ viên Hội đồng là nòng cốt của Tổ Biên tập văn kiện Đại hội XIII đã làm việc một cách tích cực, nghiêm túc, khoa học, cầu thị, với tâm huyết, ý thức trách

nhệm cao, thực sự đóng vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng dự thảo các văn kiện. Nhiều vấn đề do Hội đồng đề xuất trên cơ sở chặt lọc, tổng hợp kết quả tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tiếp thu ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các nhà khoa học, cán bộ, đảng viên và nhân dân, đã được Tiểu ban văn kiện, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương và Đại hội xem xét, chấp nhận đưa vào các văn kiện Đại hội XIII của Đảng, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, đánh giá cao.

- Tôi cũng rất vui mừng nhận thấy, cơ quan Hội đồng đã thực sự là một tập thể đoàn kết, trách nhiệm, là đầu mối kết nối các thành viên của Hội đồng, tập hợp, phát huy trí tuệ, sức sáng tạo của các nhà khoa học, nhất là giới nghiên cứu lý luận trong cả nước; phát huy được tinh thần dân chủ, tích cực, sáng tạo và đổi mới trong thực hiện nhiệm vụ. Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của Hội đồng đã được cải thiện, đầu tư, nâng cấp một bước.

Có thể nói, 5 năm qua, Hội đồng Lý luận Trung ương đã có những cố gắng đổi mới mô hình và phương thức hoạt

động, tăng cường tập hợp đông đảo các nhà khoa học, các viện nghiên cứu, học viện và các trường đại học; kế thừa thành quả, kinh nghiệm của các nhiệm kỳ trước, đạt được những bước phát triển đáng ghi nhận, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, góp phần vào thành công chung của Đảng ta, đất nước ta. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tôi xin ghi nhận, biểu dương và chúc mừng những đóng góp của Hội đồng Lý luận Trung ương trong nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội đồng cũng cần nhận thức sâu sắc và nỗ lực hơn nữa, khắc phục bằng được những hạn chế, thiếu sót, nhất là hạn chế về chất lượng, hiệu quả tư vấn ở tầm quan điểm, chiến lược, đường lối về lý luận chính trị như các đồng chí đã nêu trong Báo cáo. Đất nước ta đã qua 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng ta đã qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, song hiện vẫn còn không ít vấn đề lý luận, thực tiễn chưa được luận giải thấu đáo và làm sáng tỏ; vẫn còn những vấn đề mới mà thực tiễn phát triển của thế giới, nhất là của Việt Nam đặt ra cần

được nghiên cứu, tổng kết để góp phần phát triển, hoàn thiện đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, làm cơ sở tăng cường sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động.

## **2. Về phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới**

Công cuộc đổi mới đồng bộ, toàn diện của đất nước ta đang đi vào chiều sâu, đặt ra những nhiệm vụ mới, hết sức nặng nề nhưng rất vẻ vang đối với giới lý luận Việt Nam, trước hết là đối với Hội đồng Lý luận Trung ương. Nhân dịp này tôi muốn trao đổi, gợi mở thêm một số vấn đề để các đồng chí cùng suy nghĩ, thảo luận.

Trước hết, cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn nữa yêu cầu của công tác lý luận chính trị trong thời kỳ mới. Đại hội XIII của Đảng đã xác định tầm nhìn chiến lược và lộ trình, bước đi rất cụ thể để phát triển đất nước trong 5 năm, 10 năm, 25 năm tới. Bối cảnh quốc tế và yêu cầu phát triển bút phá của đất nước trong thời kỳ mới đòi hỏi Đảng ta phải tiếp tục đổi mới tư duy

phát triển trên cơ sở phát huy tiềm năng, vị thế, điều kiện thực tiễn của chúng ta, phù hợp với xu thế phát triển của thế giới, thời đại. Do vậy, “không thể để kéo dài tình trạng còn lạc hậu của lý luận so với sự vận động và đòi hỏi của thực tiễn.

Lý luận phải vươn lên dẫn đường và đồng hành với thực tiễn”, “phải có tầm nhìn vượt trước” (như Tôi đã nói tại Kỳ họp thứ tư của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ này, ngày 23 tháng 12 năm 2017); phải tạo được những bước đột phá về lý luận phát triển, khai thông những điểm nghẽn về tư duy, nhận thức, quan điểm phục vụ cho việc hoàn thiện thể chế, xây dựng đường lối, chủ trương, định hướng, chính sách phát triển; khơi dậy khát vọng và phát huy ý chí, quyết tâm vươn lên của cả dân tộc; phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Không có lý luận cách mạng thì không thể có phong trào cách mạng. Chỉ Đảng nào có lý luận tiên phong hướng dẫn thì Đảng đó mới làm tròn được vai trò là người chiến sĩ tiên phong”.

Trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng, công tác lý luận được nhấn mạnh và định hướng rất cụ thể gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; trực tiếp là xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, lý luận, với yêu cầu cao: “Nâng tầm tư duy lý luận của Đảng, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, cung cấp kịp thời cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước” (Văn kiện Đại hội XIII, tập 2, tr.234 -235). Hội đồng Lý luận Trung ương và giới lý luận nước ta phải trả lời cho được câu hỏi quan trọng: Để phục vụ và góp phần đạt được mục tiêu phát triển đất nước qua ba dấu mốc quan trọng 2025, 2030, 2045 thì mục tiêu phát triển lý luận Việt Nam là gì?

Phải chăng, đến năm 2025, trên cơ sở tổng kết 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 50 năm thống nhất đất nước, cần hoàn thiện cơ bản hệ thống lý luận về đường lối đổi mới; đến năm 2030, trên cơ sở tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách

mạng Việt Nam, có thể bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới; bổ sung, làm phong phú và tiến thêm một bước để hoàn thiện hơn nền tảng tư tưởng của Đảng; và đến năm 2045, khi nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao thì chúng ta sẽ có một hệ thống lý luận hoàn chỉnh, khoa học và hiện đại về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

Cần xác định và thống nhất mục tiêu phát triển lý luận như vậy để quyết tâm phấn đấu, lao động, sáng tạo. Chú ý nghiên cứu những vấn đề mới về lý luận của thế giới; các vấn đề mới do thực tiễn đặt ra; kinh nghiệm của các nước tiên tiến; của cuộc cách mạng về khoa học công nghệ,... Từng bước bổ sung, hoàn thiện lý luận, xây dựng một hệ thống (nền) lý luận của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới: Xây dựng và bảo vệ đất nước, mở cửa hội nhập, là bạn, là đối tác tin cậy của các nước, có vị thế quan trọng trong khu vực và trên thế giới. Có thể nói, một chân trời sáng tạo rộng lớn, một thời cơ phát triển rất tốt đẹp đang mở ra trước Hội đồng Lý luận Trung ương và giới lý luận nước nhà.



Để phục vụ cho nhiệm vụ lớn lao ấy, Hội đồng phải tập trung nâng cao hơn nữa chất lượng tổng kết thực tiễn gắn với nghiên cứu lý luận trên cơ sở nắm vững và vận dụng sáng tạo phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả tham vấn về lý luận chính trị, giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Căn cứ vào Chương trình làm việc toàn khoá của Ban Chấp hành Trung ương, Hội đồng phải xây dựng và triển khai kế hoạch tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận để kịp thời xây dựng các báo cáo tư vấn; tổng kết, tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư sớm kết luận những vấn đề thực tiễn đã chín, đã rõ; xây dựng các chuyên đề lý luận có chất lượng để phục vụ chương trình nghiên cứu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; triển khai có hiệu quả Chương trình nghiên cứu lý luận chính trị giai đoạn 2021 - 2025; phục vụ Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các nghị quyết, kết luận; góp phần đưa Nghị quyết Đại hội XIII vào cuộc sống.

Phải gắn nghiên cứu lý luận với tổng kết thực tiễn phát triển các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; với xây dựng hệ thống chính trị, đặc biệt là xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa theo cách tiếp cận và yêu cầu mới là hình thành đồng bộ thể chế phát triển đất nước dựa chủ yếu vào nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát huy cao độ nhân tố con người là chủ thể phát triển, tạo động lực mạnh mẽ để đất nước phát triển nhanh, bền vững, thoát khỏi nguy cơ tụt hậu, không rơi vào “bẫy thu nhập trung bình”, thực hiện thành công mục tiêu trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI.

Năm bài học kinh nghiệm được tổng kết trong Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII, như tôi đã nói tại Đại hội, phải chăng đây là những vấn đề lý luận căn cốt của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới. Hội đồng Lý luận Trung ương phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển và làm sâu sắc những nội dung này. Muốn thế, phải rất coi trọng việc nghiên cứu lý luận

cơ bản gắn với việc tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, học tập, tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài, nhất là những mô hình phát triển năng động, sáng tạo, hiệu quả. Tổng kết thực tiễn ở tầm lý luận đòi hỏi một tinh thần và cách làm việc rất công phu, nghiêm túc, khoa học.

Với trách nhiệm được giao, Hội đồng cần chủ động, thể hiện tốt vai trò là đầu mối phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương, các cấp uỷ địa phương, các cơ quan và đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị cả nước trong hoạt động tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Sự nghiệp đổi mới càng đi vào chiều sâu, thì càng có nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn mới đặt ra, cần phát huy trí tuệ của cả hệ thống chính trị, của toàn dân, mà nòng cốt là các cơ quan và đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận.

Hội đồng Lý luận Trung ương phải xây dựng được một cơ chế và tạo môi trường thuận lợi để thu hút, tập hợp được đông đảo đội ngũ cộng tác viên, những chuyên gia, những nhà khoa học giỏi, có tâm, có tầm trên tất cả các lĩnh vực của đất nước; mở rộng các hình thức thảo luận, tranh luận, đối

thoại lý luận trên tinh thần khoa học, dân chủ, cầu thị; thật sự trân trọng những ý tưởng, những đề xuất lý luận có giá trị, hữu ích cho sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và cho quốc kế dân sinh. Hết sức tránh tư tưởng bảo thủ, cục bộ, võ đoán, quy chụp và cách làm khép kín.

Phát huy dân chủ, tự do tư tưởng trong nghiên cứu lý luận vì lợi ích của đất nước, dân tộc; đồng thời chủ động, kiên quyết đấu tranh không khoan nhượng với các luận điểm phản động, thù địch, xuyên tạc; bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hội đồng cần nỗ lực nhiều hơn để xây dựng hệ thống các luận cứ lý luận - thực tiễn thật sự khoa học, có tính chiến đấu, có sức thuyết phục cao, phục vụ một cách thiết thực, hiệu quả cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận với các thế lực thù địch, phản động đang và sẽ còn diễn ra gay gắt, quyết liệt.

Hội đồng Lý luận Trung ương cần được tiếp tục kiện toàn, đổi mới để đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn mới. Thực tiễn 25 năm với 5 nhiệm kỳ hoạt động, Hội đồng đã khẳng định được vai trò, vị

thể của mình trong hệ thống các cơ quan ở Trung ương. Như tôi đã phát biểu trong lần gặp mặt và làm việc trước đây với Hội đồng: Các đồng chí cần làm “đúng vai và thuộc bài”. Cần khẳng định: Hội đồng Lý luận Trung ương là cơ quan trực thuộc Bộ Chính trị, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, là cơ quan tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận của Đảng, làm tham mưu, tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các vấn đề lý luận chính trị phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; phục vụ việc hoạch định, phát triển và hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Cần tổng kết nghiêm túc và phát huy những thành quả, ưu điểm đã đạt được; chỉ ra những mặt chưa được, những hạn chế, bất cập cả về chủ quan và khách quan để kịp thời khắc phục. Hội đồng cần chủ động làm việc với Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan khác của Đảng và Nhà nước trong việc

xây dựng và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự; cơ chế, chính sách hoạt động, chế độ đãi ngộ phù hợp..., trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định. Đề nghị các cơ quan hữu quan tích cực giúp đỡ, phối hợp, hỗ trợ Hội đồng Lý luận Trung ương trong quá trình hoạt động, bảo đảm cho Hội đồng thực hiện tốt nhất chức năng, nhiệm vụ của mình.

Trong không khí cả nước đang náo nức, phấn khởi, tin tưởng trước thành công rất tốt đẹp của Đại hội lần thứ XIII của Đảng và Kỳ họp thứ 11 của Quốc hội khoá XIV, tích cực khẩn trương triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội và chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội khoá XV và Hội đồng nhân dân các cấp, với trách nhiệm và tình cảm gắn bó thân thiết với Hội đồng và các đồng chí, tôi xin chúc Hội đồng Lý luận Trung ương tiếp tục nỗ lực phấn đấu, đạt được nhiều thành tích hơn nữa, thắng lợi và thành công hơn nữa, xứng đáng với niềm tin yêu và sự kỳ vọng của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Chúc các đồng chí sức khoẻ, có nhiều niềm vui và hạnh phúc trong lao động sáng tạo và cuộc sống.

Xin trân trọng cảm ơn” ■



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

# PHẢI CHẶNG ĐỔI MỚI ĐÃ CẠN KIẾT NGUỒN LỰC?

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN

*Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương**Thủ đô Hà Nội ngày càng đổi mới, khang trang \_ Ảnh: vietnammoi.vn*

**C**ông cuộc đổi mới 35 năm qua đã thực sự gắn bó với vận mệnh dân tộc, vận mệnh đất nước, gắn bó với mỗi người chúng ta và được bạn bè quốc tế quan tâm đến như một lẽ đương nhiên. Chính

vì thế, mọi biểu hiện của đổi mới luôn được nhiều người chăm chú theo dõi, phân tích, đánh giá, nhận định. Trong các nhiệm kỳ Đại hội Đảng vừa qua, công cuộc đổi mới luôn được Đảng ta xác định rõ ngay trong chủ đề của Đại hội. Đại hội XI của Đảng xác định “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới...”<sup>1</sup>. Đại hội XII cũng nhấn mạnh “...đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới”<sup>2</sup>. Chủ đề của Đại hội XIII tiếp tục khẳng định: “...tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới...”<sup>3</sup>.

Quan điểm của Đảng ta nhất quán như vậy và được toàn thể nhân dân Việt Nam đồng tình, hưởng ứng nhưng vẫn có một số phần tử ác ý tung ra những luận điệu đả kích, chống phá trắng trợn, hoặc một số thế lực muốn lái chúng ta đi theo con đường khác. Những luận điệu đen tối đó cho rằng, đổi mới như vậy coi như đã xong, nay cần xem xét lại vì đã không còn động lực. Ý kiến khác đòi hỏi phải đổi mới mạnh mẽ hơn về chính trị để tạo thêm động lực, nếu

không, trước sau cũng sẽ đưa đến tàn lụi đất nước. *Tựu trung*, chủ ý thâm độc nhất cho rằng đổi mới đã cạn kiệt nguồn lực, từ sau Đại hội XIII không đổi mới nữa, hoặc nếu có đổi mới thì đổi mới về chính trị mà thôi.

Chúng ta có đủ luận cứ để bác bỏ các luận điệu đen tối đó.

1. *Trước hết*, cần khẳng định *bản chất và nhiệm vụ của công cuộc đổi mới*. Đổi mới là một cuộc vận động mang tính cách mạng không ngừng để thay cái cũ bằng cái mới tốt hơn. Không phải bây giờ mà trong quá trình cách mạng, chúng ta luôn thực hiện sự đổi mới. Có điều công cuộc đổi mới lần này mang tính toàn diện, tổng thể, sâu sắc, liên tục và được chuẩn bị có bài bản. Đổi mới là công việc của chúng ta, theo cách thức và bước đi của ta. Đổi mới là công cuộc sáng tạo mang tính tất yếu. Công cuộc đó phải được triển khai một cách sâu rộng và đồng bộ, nhưng phải cân nhắc từng đường đi nước bước cụ thể, chắc chắn.

Đổi mới vừa là sự thay thế cái cũ, vừa là sự chọn lựa cái cũ, cái hiện đang còn tác dụng để cải biến cho nó trở nên thích dụng hơn. Đổi mới có thể

coi là một sự phủ định biện chứng: Không bao giờ phủ định sạch trơn và không bao giờ quay lại cái cũ. Đổi mới đồng bộ, hài hòa giữa kinh tế và chính trị với mục tiêu giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Đổi mới để phát triển, đồng nghĩa với phát triển, nhưng là sự phát triển trong thế ổn định, sự phát triển theo đúng định hướng và con đường mà chúng ta đã chọn. Có người khuyên ta: cần tư nhân hóa nhanh hơn, hội nhập thương mại nhanh hơn, phá giá đồng tiền mạnh hơn. Lời khuyên đó dẫu có chân thành thì chúng ta cũng không thể làm như thế. Bởi vì, hơn ai hết, chúng ta hiểu rõ tình hình thực tế của đất nước mình, và đặc biệt quan trọng là chúng ta thực hiện đổi mới nhưng có nguyên tắc, đổi mới nhưng không thay đổi bản chất chế độ xã hội. Đổi mới là thực hiện bước chuyển từ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường, nhưng trong khi thực hiện cơ chế thị trường, Nhà nước phải quản lý và điều hành theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng thả nổi thị trường; đổi mới để phát triển kinh tế, nhưng sự phát triển đó

phải đi đôi với thực hiện công bằng xã hội, khắc phục tình trạng phân hóa giàu nghèo. Đổi mới có yêu cầu và gắn với mở cửa, hội nhập. Đổi mới có yêu cầu và gắn với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Toàn bộ công cuộc hội nhập, mở cửa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là để thực hiện chiến lược phát triển nhanh và bền vững; là để xây dựng và tăng cường lực lượng sản xuất, củng cố và phát triển quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp; là để nâng tầm đất nước lên trình độ mới, tầm cao mới. Vậy nên đổi mới chính là để hướng tới chủ nghĩa xã hội, để hiện thực quá độ lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác lập rõ ràng hơn.

Đổi mới và cải cách có cùng nội dung hướng tới cái mới, cái tốt đẹp hơn. Nhưng cải cách thường được hiểu là những hành động nhất định, những cuộc vận động nhất định nhằm những mục tiêu nhất định. Khi những hành động cải cách ấy, những cuộc vận động, cải cách ấy đã đạt tới mục tiêu đề ra thì phải có hành động cải cách mới, cuộc vận động, cải cách mới. Còn đổi mới, theo cách hiểu của chúng ta, tuy cũng nhằm những mục

tiêu nhất định trong những thời kỳ nhất định, song do bản chất và tính tất yếu của nó, lại là một quá trình lâu dài. Đổi mới như một dòng chảy liên tục, vận động liên tục của cả guồng máy xã hội do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng, phát động và lãnh đạo, tổ chức thực hiện. Các Đại hội VII, VIII, IX, X, XI, XII và XIII của Đảng đều khẳng định tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới để đưa đất nước đi lên. Lời hiệu triệu đó rất phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và ý nguyện của nhân dân.

2. Qua 35 năm đổi mới, “đất nước ta đã đạt được *những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử*, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*. Đây là niềm tự hào, là động lực, là nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững đất nước”<sup>4</sup>.

Nhìn lại những nét chính yếu của hành trình đổi mới chúng ta thấy rõ nhận định của Đại hội XIII là hoàn toàn chuẩn xác. Đổi mới tư duy đã khắc phục được những nhận thức lệch lạc, nhất là bệnh giáo điều, chủ quan duy ý chí, từng bước hình thành những quan niệm mới về mục tiêu, bước đi và cách thức phát triển đất nước, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Công cuộc đổi mới đã giải phóng sức sản xuất, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất mới, đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng của một nước có thu nhập thấp; đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, ổn định chính trị - xã hội được bảo đảm, định hướng xã hội chủ nghĩa được giữ vững, vai trò lãnh đạo của Đảng được tăng cường, an ninh quốc phòng được củng cố vững chắc, quan hệ hợp tác quốc tế ngày càng được đẩy mạnh thêm.

Chính đổi mới đã đưa nước ta từ chỗ thiếu thốn, có khi phải nhập lương thực, nay trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai thế giới. Chưa bao giờ nhịp độ phát triển và đổi thay từ nông thôn tới thành thị, từ miền

núi đến đồng bằng lại nhanh chóng, mạnh mẽ như hiện nay. Cũng chưa bao giờ phong cách sống và làm việc của mọi gia đình và mọi người dân lại có những nét mới mẻ, tươi tắn như hôm nay. Đổi mới đã giúp chúng ta vừa kế thừa và phát huy những thành quả tốt đẹp đã đạt được trước đây vừa có cách nghĩ khác trước, nghe khác trước, nhìn khác trước, làm khác trước, phù hợp với tình hình đang phát triển. Đổi mới đã đem đến một sức vóc mới cho đất nước, tiếp sức đôi chân chúng ta đi thêm những bước dài trên con đường hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Tuy nhiên, trong tiến trình đi lên, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, chúng ta không quên rằng đất nước mình vẫn còn nghèo, sự phát triển của nền kinh tế chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp, còn nhiều yếu tố chưa bảo đảm tăng trưởng cao và lâu bền, còn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, mà những nhân tố đó còn có phần tăng thêm. Rõ ràng là phía trước của chúng ta không chỉ có thuận lợi và thời cơ mà còn có những khó khăn và nguy cơ không thể xem

thường. Càng như vậy, càng phải tiếp tục đổi mới, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức để đất nước tiếp tục phát triển bền vững.

3. *Về động lực, nguồn lực của đổi mới.* Nếu quan niệm động lực, nguồn lực là những yếu tố tạo nên sức mạnh thúc đẩy sự phát triển, thì động lực của đổi mới bao gồm nhiều yếu tố tiềm ẩn và hiển hiện có thể nhận biết được.

*Một là,* yếu tố khơi nguồn động lực của đổi mới chính là việc định hướng đúng, phát động đúng thời điểm. Chúng ta xác định đổi mới phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Định hướng đúng dẫn cho sự nghiệp đổi mới vừa hợp thời, hợp quy luật, hợp lòng dân, vừa có sự chắc chắn, vững tin. Chuẩn bị kỹ và phát động đổi mới đúng lúc, đồng thời với mở cửa hội nhập nên chúng ta có thể chủ động và sáng tạo trong mọi tình huống, đã đứng vững và phát triển trong khi cải tổ, cải cách ở Liên Xô và Đông Âu bị thất bại.

*Hai là,* những thành quả của đổi mới lại tiếp thêm luồng sinh khí mới, tăng thêm động lực cho nó, tạo cho đất nước ta thế mới, lực mới, gia tốc mới. Thế mới và lực mới là tổng hợp những



thành tựu to lớn về kinh tế - xã hội, là kết quả của việc phát triển mọi mặt với sự thông thoáng trong nước và mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài. Gia tốc mới là khả năng vượt trội, là độ tăng trưởng liên tục ở mức khá cao tạo đà cho giai đoạn kế tiếp. Thế mới, lực mới, gia tốc mới tạo ra tầm vóc và khả năng mới của đất nước. Đó không chỉ là khả năng đất nước vươn tầm mà còn là năng lực mới mạnh mẽ để tiếp tục thúc đẩy sự nghiệp đổi mới phát triển. Đổi mới được nạp thêm năng lượng mới.

*Ba là*, yếu tố quyết định là động lực và những nguồn lực trong nước. Động lực quan trọng phục vụ và thúc đẩy công cuộc đổi mới là tổng hợp các nguồn lực trong nước, bao gồm không chỉ có vốn, tài sản đã tích lũy được mà còn là tài nguyên chưa đưa vào sử dụng, là lợi thế về địa kinh tế, địa chính trị và quan trọng hơn hết là nguồn lực con người, bao gồm cả sức lao động trí tuệ và tinh thần gắn với truyền thống văn hóa của dân tộc ta. Trong các nguồn lực đó, nguồn lực về tài nguyên là khá phong phú; nguồn lực về đất đai, vị trí địa lý là khá thuận lợi; nguồn lực về truyền thống là sâu

sắc, đặc thù; nguồn lực về con người và trí tuệ vô cùng to lớn.

*Bốn là*, những nguồn lực từ bên ngoài. Đây là một yếu tố quan trọng mà nếu biết cách tranh thủ cũng sẽ tạo nên động lực cho công cuộc đổi mới đất nước. Nguồn lực bên ngoài bao gồm: vốn, kỹ thuật - công nghệ, kinh nghiệm quản lý, chất xám, tinh hoa văn hóa nhân loại. Trên cơ sở phải phát huy mọi nguồn lực trong nước, chúng ta có đầy đủ điều kiện để có thể thu hút nguồn lực bên ngoài. Với việc mở rộng nhiều hình thức, có bước đi, biện pháp và chính sách ưu đãi thích hợp, chúng ta nhất định khuyến khích mạnh mẽ việc hợp tác về kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, công nghệ; đặc biệt là thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào nước ta trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.

*Năm là*, sự phù hợp giữa ý Đảng và lòng dân. Đây là động lực mang tính quyết định đối với sự nghiệp đổi mới. Động lực đó bắt nguồn từ năng lực sáng tạo, bản lĩnh trí tuệ của Đảng ta và của nhân dân ta, thể hiện ở trình độ đoán định, nắm bắt những yếu tố và những vấn đề của thời cuộc, dự kiến đúng tình huống, xác định đường đi

nước bước rõ ràng, sẵn sàng tạo lập và nắm bắt thời cơ, khắc phục nguy cơ, vượt qua thách thức đưa đất nước đi lên. Do đổi mới là sự phù hợp giữa ý Đảng và lòng dân nên khi Đảng ta phát động nhân dân nhiệt tình hưởng ứng tạo thành động lực to lớn thực hiện có hiệu quả sự nghiệp đổi mới đất nước.

Rõ ràng là công cuộc đổi mới của chúng ta không chỉ đạt được những thành tựu to lớn qua 35 năm thực hiện, mà còn tiếp tục được đẩy mạnh

với những nguồn lực phong phú và hết sức to lớn, trong đó có những nguồn lực không bao giờ cạn. Hành trình đổi mới với sự phù hợp giữa ý Đảng và lòng dân đã và đang kết hợp nhuần nhuyễn ba yếu tố: thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Đó là động lực lớn nhất, là yếu tố cơ bản nhất tạo nên khả năng thành công của sự nghiệp cao cả trọng đại: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội ■

---

<sup>1</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.14.

<sup>2</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.11.

<sup>3,4</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.14, 103-104.

# ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG, CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

● GS, TS NGUYỄN QUANG THUẤN

*Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương*

**Đ**ổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nội dung quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế đất nước được xác định trong văn kiện Đại hội Đảng những nhiệm kỳ gần đây. Trong những năm vừa qua, nhiệm vụ này đã đạt được những kết quả quan trọng, mô hình tăng trưởng đã chuyển mạnh từ chiều rộng sang chiều sâu, cơ cấu lại nền kinh tế được thực hiện tích cực, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được đẩy mạnh. Tuy nhiên, so với yêu cầu đề ra quá trình này còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu. Để góp phần tìm hiểu và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, bài

viết này giới thiệu những nội dung mới, điểm nhấn về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

## **1. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế**

Vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế là nội dung lớn, chính thức được đề ra từ Đại hội XI. Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020 xác định nội dung đổi mới mô hình tăng trưởng cơ cấu lại nền kinh tế như sau: “Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở

rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ phù hợp với các vùng; thúc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế; phát triển kinh tế trí thức. Gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh”<sup>1</sup>. Đại hội XII tiếp tục đề ra nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, cụ thể: “Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại đồng bộ, tổng thể nền kinh tế và các ngành, các lĩnh vực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng: cơ cấu lại đầu tư với trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính, từng bước cơ cấu lại ngân sách nhà nước; cơ cấu lại và giải quyết có kết quả vấn đề nợ xấu, bảo đảm an toàn nợ công; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước với trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước; cơ cấu lại nông nghiệp...”<sup>2</sup>.

Như vậy, có thể thấy vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế là vấn đề lớn, quan trọng đã được nhất quán trong chủ trương, đường lối của Đảng từ Đại hội XI đến nay và có sự nhất quán và gắn kết giữa hai quá trình này và phạm vi cơ cấu lại nền kinh tế đã mở rộng từ chủ yếu tập trung vào 3 lĩnh vực ra toàn bộ nền kinh tế.

Trên thực tế, thực hiện nhiệm vụ cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, qua hai nhiệm kỳ Đại hội XI và XII, đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần tạo ra sự phát triển kinh tế ổn định với tốc độ tăng trưởng cao, đặc biệt, kinh tế đã chuyển mạnh từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, phát triển bền vững. Trong Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 khẳng định: “Mô hình tăng trưởng dần chuyển dịch từ chiều rộng sang chiều sâu, năng suất lao động được nâng lên rõ rệt”; “Cơ cấu lại các lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế được thực hiện quyết liệt và

đạt nhiều kết quả tích cực”. Tuy nhiên, những hạn chế trong việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế vẫn hạn chế. Báo cáo chính trị Đại hội XIII cũng chỉ rõ: “Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn chậm, chưa tạo được sự chuyển biến căn bản về mô hình tăng trưởng; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao”<sup>3</sup>. Vì vậy, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, phát triển nhanh và bền vững đất nước là yêu cầu hết sức quan trọng cho giai đoạn tiếp theo.

Trong bối cảnh mới, có nhiều biến động, nền kinh tế chịu sự tác động của nhiều yếu tố, tạo ra cả cơ hội và thách thức cho sự phát triển, do vậy, các chủ trương, chính sách cần phải tính đến một cách đầy đủ. Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục đề cập đến nội dung đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nhưng nhấn mạnh việc cần thiết phải tận dụng tốt những cơ hội do bối cảnh mới mang lại. Chiến

lược phát triển kinh tế- xã hội 10 năm 2021-2030 xác định: “Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số; làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội”<sup>4</sup>. Vì vậy, mô hình tăng trưởng mới cần tận dụng tốt cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, dựa trên tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Như vậy, điểm mới, xuyên suốt trong các nội dung của các văn kiện Đại hội XIII liên quan tới nội dung mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là đều nhấn mạnh yếu tố khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đặc biệt là việc tận dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Điều này do *thứ nhất*, nền kinh tế của chúng ta

phát triển theo chiều rộng đã tới hạn, cần đẩy mạnh phát triển theo chiều sâu; *thứ hai*, trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc tận dụng cơ hội của Cách mạng lần thứ tư là hết sức quan trọng để áp dụng những công nghệ mới nhất có tính đột phá trong phát triển vào tất cả các ngành, các lĩnh vực, tạo ra sự phát triển nhanh và bền vững cho đất nước. Nghị quyết 52 của Bộ Chính trị khóa XII cũng đã nhấn mạnh cần phải chủ động và tích cực tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chính phủ cũng đã có chương trình hành động để thực hiện nghị quyết này. Trong các chỉ tiêu cụ thể của nền kinh tế cần đạt tới cho giai đoạn 2020-2025 cũng đã xác định cụ thể kinh tế số chiếm 20%, đến năm 2030 kinh tế số chiếm khoảng 30% trong nền kinh tế. Văn kiện cũng nhấn mạnh: “Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên cơ sở tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh

tế. Cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của khoa học và công nghệ, nhất là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu”<sup>5</sup>.

Vấn đề cơ cấu lại nền kinh tế được đề cập tổng thể từ cơ cấu các ngành, các lĩnh vực, đây là điều kiện tạo ra thể chế thị trường thực sự, sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực và là cơ sở cho việc đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: “Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế. Cơ cấu lại nâng cao hiệu quả đầu tư. Cơ cấu lại, phát triển lành mạnh các loại thị trường, nhất là thị trường các yếu tố sản xuất để huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực”<sup>6</sup>. Ở đây, cần chú ý cơ cấu lại thị trường bất động sản, đất đai, tài nguyên để đất đai, tài nguyên được sử dụng hợp lý,

tiết kiệm, có hiệu quả cao. Cơ cấu lại các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ theo hướng tập trung phát triển các lĩnh vực, các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế công nghệ cao, giá trị gia tăng cao, sức cạnh tranh cao trong hội nhập kinh tế quốc tế. Đặc biệt, văn kiện đợt này nhấn mạnh đến cơ cấu lại hệ thống doanh nghiệp nói chung để phát triển lực lượng doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, tăng cường gắn kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước. Đây cũng chính là để khắc phục điểm yếu trong nhiều năm qua là sự thiếu gắn kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nên chưa tạo ra được sự chuyển giao công nghệ, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp trong nước. Phát triển khu vực kinh tế tư nhân của người Việt Nam để thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế cũng là điểm nhấn trong văn kiện lần này. Chiến lược nêu rõ: “Xoá bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân; hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ và phát

triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Khuyến khích hình thành, phát triển những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế. Phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 2 triệu doanh nghiệp với tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vào GDP đạt 60-65%”<sup>7</sup>.

Ngoài ra, điểm mới của văn kiện lần này là nội dung cơ cấu lại kinh tế vùng, đổi mới thể chế liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng, phát huy vai trò các vùng kinh tế động lực, quan tâm phát triển các vùng còn khó khăn, thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng.

## **2. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Trong các văn kiện của Đại hội Đảng gần đây, nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa đều được xác định là nội dung quan trọng nhằm thực hiện quá trình công nghiệp hóa rút ngắn để sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Các nội dung được đề cập khá toàn diện và cụ thể như tiêu chí, nội dung và cách thức thực hiện. Văn kiện lần này kế thừa

những nội dung trên nhưng nhấn mạnh những nội dung cốt lõi cần thực hiện cho giai đoạn tới phù hợp với điều kiện và bối cảnh trong nước và quốc tế, nhất là tận dụng tiến bộ khoa học công nghệ nói chung, thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư nói riêng. Trước hết, để cập tới việc điều chỉnh bổ sung, nâng cao chất lượng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực, các vùng phù hợp với thực tiễn đất nước và trình độ phát triển khoa học công nghệ hiện đại trên thế giới. Đẩy mạnh nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng, phát triển, làm chủ công nghệ hiện đại; phát triển một số sản phẩm chủ lực có thương hiệu mạnh, có uy tín trong khu vực và thế giới. Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực của đất nước, tạo cơ sở đẩy mạnh, phát triển kinh tế số. Trong Chiến lược nhấn mạnh: “Đẩy mạnh phát triển một số ngành, lĩnh vực kinh tế trọng điểm, có tiềm năng lợi thế và còn dư địa lớn để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất kíp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới”<sup>8</sup>.

Điểm mới trong nội dung này thể hiện rất rõ công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, tận dụng tốt cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để có sự bứt phá, vượt lên trong một số ngành và lĩnh vực. Đồng thời, xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh chú trọng cả những ngành công nghiệp nền tảng và những ngành mới, công nghệ cao quyết định sự bứt phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế. “Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, cơ cấu lại công nghiệp, nâng cao trình độ công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi sang công nghệ số, tập trung phát triển những ngành công nghiệp nền tảng, nhất là công nghiệp cơ khí chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Ưu tiên phát triển những ngành công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Phát triển công nghiệp quốc phòng an ninh kết hợp phục vụ dân sinh. Dựa trên công nghệ mới để phát triển những ngành công nghiệp có lợi thế (chế biến nông sản, dệt may, da giày...), tạo nhiều việc



làm, sản xuất hàng xuất khẩu, đóng góp vào giá trị gia tăng quốc gia. Bố trí lại công nghiệp trên các địa bàn, lãnh thổ để phát triển hợp lý hơn. Nâng cao hiệu quả hoạt động khu công nghiệp, công nghệ cao, khu kinh tế, khu công nghiệp<sup>9</sup>. Trong Chiến lược còn nêu rõ mục tiêu phấn đấu nâng tỷ trọng công nghiệp trong GDP vào năm 2030 đạt trên 40%; giá trị gia tăng công nghiệp chế biến chế tạo bình quân đầu người đạt trên 2.000USD<sup>10</sup>. Tập trung cơ cấu lại công nghiệp theo hướng nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Tiếp tục thực hiện chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh. Điểm mới nổi bật là xác định mối quan hệ giữa nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh bằng các biện pháp cụ thể như cơ chế chính sách phát triển, ưu tiên khoa học công nghệ, gắn nông nghiệp với công nghiệp và thị trường...

Về phát triển khu vực dịch vụ, trong văn kiện Đại hội XII chú trọng đẩy

mạnh phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn các khu vực sản xuất và cao hơn tốc độ tăng trưởng của cả nền kinh tế. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: “Phát triển mạnh khu vực dịch vụ dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, nhất là những dịch vụ có giá trị gia tăng cao”<sup>11</sup>. Văn kiện cũng nêu rõ một số loại dịch vụ cần tập trung ưu tiên phát triển như: Du lịch, thương mại, viễn thông, công nghệ thông tin, vận tải, logistics, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ tư vấn pháp lý... Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, dịch vụ y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, dịch vụ văn hóa thể thao, dịch vụ thương mại... Tổ chức cung ứng dịch vụ chuyên nghiệp, văn minh hiện đại theo chuẩn mực quốc tế.

Về phát triển kinh tế biển. Đại hội XII khi đề cập đến nội dung này chủ yếu nhấn mạnh phát triển mạnh kinh tế biển nhằm tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển đảo. Chú trọng phát triển các ngành cụ thể như dầu khí, đánh bắt xa bờ, hậu cần nghề cá... Đại hội XIII

đề cập đến nội dung này một cách tổng thể, trong đó chú ý phát triển kinh tế biển gắn với an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế gắn với môi trường và phòng chống thiên tai; phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế và đô thị ven biển. Cụ thể Đại hội XIII nêu rõ: “Thực hiện tốt chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển, kết hợp chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, tài nguyên, môi trường biển; phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Tổ chức tốt việc xây dựng và quản lý thống nhất không gian biển quốc gia, hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp và chuyên ngành về biển, đảo. Nâng cao hiệu lực hiệu quả thực thi pháp luật trên biển, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của tổ quốc. Đẩy mạnh phát triển và nâng cao hiệu quả các ngành kinh tế biển. Phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp và đô thị ven biển. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực cho kinh tế biển, nhất là nhân lực chất lượng cao. Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, điều tra tài nguyên, môi trường biển, xây

dựng cơ sở dữ liệu số về biển, đảo, nâng cao năng lực giám sát môi trường biển, dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu vùng biển, ven biển”<sup>12</sup>.

Về nội dung phát triển đô thị, Văn kiện Đại hội XIII đề cập gọn hơn, tập trung vào hoàn thiện thể chế phát triển đô thị và kinh tế đô thị, nhấn mạnh xây dựng đô thị văn minh, thông minh phù hợp với văn hóa vùng, miền. Văn kiện nêu rõ: “Xây dựng chiến lược, hoàn thiện thể chế phát triển đô thị và kinh tế đô thị làm động lực phát triển từng vùng và địa phương; tăng cường quản lý đô thị, phát triển các đô thị vệ tinh, hạn chế xu hướng tập trung quá mức vào các đô thị lớn. Xây dựng đô thị hiện đại văn minh, đô thị thông minh, đa dạng về loại hình, có bản sắc đặc trưng về kiến trúc văn hóa ở từng địa phương”<sup>13</sup>.

Rõ ràng, quá trình đô thị hóa của nước ta trong giai đoạn tới sẽ diễn ra mạnh mẽ, đây cũng là dư địa cho phát triển nhanh trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, như trong văn kiện đã nêu rõ, quá trình này hiện nay cần phải được nhìn nhận một cách tổng thể, hệ thống, đặc biệt chú ý đến tính tổng

thể về quy hoạch, áp dụng công nghệ hiện đại để xây dựng đô thị văn minh, sinh thái.

Xây dựng kết cấu hạ tầng được khẳng định là nội dung rất quan trọng trong lĩnh vực kinh tế. Đây được xác định là một trong ba đột phá chiến lược, đến nay nội dung này vẫn còn nguyên ý nghĩa. Tuy nhiên trong thời gian tới cần tập trung vào những trọng tâm mới để giải quyết được những vấn đề còn tồn tại đến nay và đáp ứng yêu cầu phát triển mới.

Đại hội XIII nêu rõ: “Tiếp tục thực hiện đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại. Tập trung ưu tiên đầu tư sớm đưa vào sử dụng các công trình, cụm công trình, dự án hạ tầng trọng điểm về giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường không kết nối các vùng, khu vực, các trung tâm trong nước và quốc tế”. Trong Chiến lược nhấn mạnh phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc, đầu tư nâng cấp cảng hàng không, đặc biệt cảng hàng không trọng điểm. Mục tiêu đến năm 2030 cả nước có khoảng 5000 km đường bộ cao tốc, trong đó đến năm 2025 hoàn thành đường bộ

cao tốc Bắc - Nam phía Đông. Phát triển hạ tầng năng lượng nhất là năng lượng tái tạo, bảo đảm cung cấp đủ, ổn định năng lượng cho nền kinh tế và sinh hoạt xã hội. Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường vấn đề phát triển năng lượng đòi hỏi vừa đảm bảo an ninh năng lượng nhưng đồng thời chú trọng phát triển năng lượng sạch, thân thiện với môi trường, phát triển công nghệ mới, tận dụng tốt nhất tiềm năng lợi thế về điều kiện tự nhiên của đất nước. Phát triển hạ tầng thủy lợi, hồ đê, đập, nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, bão lũ, tập trung cao hơn các nguồn lực cho thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng đồng bộ, hiện đại hạ tầng đô thị, nhất là các đô thị lớn. Đặc biệt, văn kiện lần này nhấn mạnh đến phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, tạo ra sự phát triển đột phá trong lĩnh vực này. Đây chính là cơ hội để tạo sự chuyển biến căn bản, hiệu quả sản xuất trong việc tận dụng cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại. “Tạo bứt phá trong phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, xây dựng, kết nối cơ sở

dữ liệu quốc gia.v.v.. Xây dựng cơ chế đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội, đa dạng hóa hình thức đầu tư cho các lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng<sup>14</sup>. Báo cáo đánh giá thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 5 năm... nêu rõ: “Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin; hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất. Phát triển hạ tầng số đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN; internet băng thông rộng phủ 100% các xã. Xây dựng đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin”<sup>15</sup>.

Về phát triển kinh tế vùng, liên vùng. Văn kiện Đại hội XII chú trọng các khía cạnh thống nhất quản lý tổng hợp, chiến lược, quy hoạch, đổi mới cơ chế phân cấp giữa trung ương và địa phương, xây dựng một số đặc khu kinh tế để tạo cực tăng trưởng và thử nghiệm thể chế phát triển vùng có tính đột phá. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh đến nâng cao chất lượng quy hoạch vùng; đổi mới, hoàn thiện thể chế quản lý vùng có hiệu quả, phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của

từng vùng, tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng. Sáp nhập hợp lý một số đơn vị hành chính cấp xã, huyện, phù hợp với điều kiện, yêu cầu phát triển mới. Đổi mới cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền gắn với phân định và nâng cao trách nhiệm của trung ương và địa phương.

Chiến lược nhấn mạnh xây dựng quy hoạch, tổ chức không gian lãnh thổ quốc gia một cách hợp lý, phát huy tốt nhất các lợi thế đặc thù của mỗi vùng, địa phương và tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát triển mới. Đồng thời, báo cáo chiến lược cũng chỉ rõ lợi thế cần tập trung phát triển cho từng vùng như: Vùng trung du và miền núi phía bắc, Vùng đồng bằng Sông Hồng, Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, Vùng Tây Nguyên, Vùng Đông Nam Bộ và Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Như vậy, vấn đề phát triển vùng và liên kết vùng được Đại hội XIII nhấn mạnh khía cạnh quy hoạch để vừa đảm bảo tốt không gian phát triển chung của đất nước vừa phát huy tốt

nhất tiềm năng, lợi thế so sánh của mỗi vùng trong mối liên kết, phối hợp chung giữa các vùng.

Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa là những nội dung quan trọng được thể hiện trong văn kiện Đại hội XIII về lĩnh vực kinh tế. Trong đó, xuyên suốt trong các nội dung này là việc chất lượng của việc chuyển đổi, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, đặc biệt tận dụng những cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại là hết sức quan trọng. Mục tiêu hướng tới nhằm

phát triển nhanh và bền vững đất nước. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước sẽ là nhiệm vụ quan trọng, và xuyên suốt trong những năm tới đây để xây dựng nền kinh tế hiện đại, chất lượng và phát triển bền vững. Phấn đấu đến năm 2025 là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp, đến năm 2030 là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao ■

<sup>1</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr.107.

<sup>2</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.88, 89.

<sup>3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr.80, 208, 121, 121, 240, 235, 124, 125, 126, 126,

<sup>15</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.II, tr.123.

# THỰC HIỆN TỐT CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI, SỚM ĐƯA VIỆT NAM TRỞ THÀNH NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN CÓ THU NHẬP TRUNG BÌNH CAO

● PGS, TS PHẠM VĂN LINH

*Phó Chủ tịch Hội Đồng lý luận Trung ương*



*Việt Nam phấn đấu đến năm 2025 là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại \_ Ảnh: MH*

## **I. Về mục tiêu, tiêu chí và hệ chỉ tiêu trong xây dựng và phát triển đất nước**

1. Ở các nước trên thế giới, khi bàn tới mục tiêu, tiêu chí, chỉ tiêu phát

triển, thường đề cập các nội dung về phát triển kinh tế - xã hội, bao hàm cả môi trường. Đây là các vấn đề cơ bản có giá trị phổ quát, có sự đo lường

quốc tế, dù tên gọi, mục tiêu đề ra ở các nước có thể khác nhau. Việc đo lường “phát triển kinh tế - xã hội” và “phát triển đất nước”, có những điểm chung, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Phát triển đất nước phải dựa trên sự phát triển kinh tế - xã hội, coi đây là trụ cột, trung tâm. Tuy nhiên, sự phát triển đất nước còn bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác về chính trị, quốc phòng, an ninh, các nhân tố bên trong, bên ngoài... Bởi vậy, những vấn đề lý luận chung về mục tiêu, tiêu chí và chỉ tiêu tham khảo quốc tế, chỉ đề cập trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội. Cho đến nay, mục tiêu phát triển ở các nước tuy có khác nhau, nhưng đánh giá về trình độ phát triển giữa các quốc gia, về cơ bản đã có nhiều điểm tương đồng, dựa trên các tiêu chí của Liên hợp quốc, WB, IMF và một số tổ chức quốc tế lớn, uy tín khác. Xét về khái niệm, *mục tiêu* phát triển đất nước (goal) là thể hiện kết quả đầu ra của nền kinh tế, mỗi quốc gia cần đạt được tại một giai đoạn cụ thể. Có những loại mục tiêu dài hạn, trung hạn, ngắn hạn. Về *tiêu chí* (criterion) dùng để đo lường, đánh giá việc đạt các mục tiêu đặt ra trong một thời kỳ nhất định.

Các tiêu chí dùng để nhận diện và phân biệt các nền kinh tế, được sắp xếp theo một hệ thống có logic, được gọi là *hệ tiêu chí*, mỗi tiêu chí có thể được cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu cụ thể. *Chỉ tiêu* (indicator) là sự cụ thể hóa của các tiêu chí, phản ánh các khía cạnh cấu thành nên tiêu chí đó, phản ánh nội dung và bản chất của tiêu chí, trong điều kiện không gian và thời gian, để nhận diện và phân biệt trình độ phát triển của quốc gia này so với quốc gia khác. Mục tiêu có vai trò quan trọng trong việc làm rõ hướng đích của sự phát triển, trong khi tiêu chí có vai trò cụ thể hóa các mục tiêu đó. Các mục tiêu vừa mang đặc điểm riêng, đồng thời cũng phản ánh xu thế quốc tế, mang tính thời đại và được dùng để nhận diện và đánh giá mức độ phát triển. Các chỉ tiêu cơ bản phải đo lường được, có nguồn dữ liệu rõ ràng, minh bạch, làm rõ chuẩn mực và thể hiện rõ mức độ phát triển của các quốc gia trong từng thời kỳ, trong sự so sánh với các quốc gia khác. Liên hợp quốc đã đề ra mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, được 189 quốc gia thành viên nhất trí phấn đấu đạt được vào năm 2015, gồm 8 mục tiêu chung, 18

mục tiêu cụ thể, 48 chỉ tiêu; Mục tiêu phát triển bền vững được 193 thành viên nhất trí, để thay cho các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và được thực hiện đến năm 2030, gồm 17 mục tiêu toàn cầu và 169 chỉ tiêu cụ thể.

Để đo lường sự tăng trưởng và phát triển kinh tế, người ta thường sử dụng một số chỉ tiêu sau: *i*). Tổng sản phẩm trong nước (GDP) phản ánh giá trị mới của hàng hóa và dịch vụ được tạo ra của toàn bộ nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định. GDP được tính theo giá hiện hành và giá so sánh, có thể được tính bằng 3 phương pháp. *ii*). Tổng sản phẩm quốc gia (GNP) là một chỉ tiêu kinh tế, được tính như tổng giá trị bằng tiền của các sản phẩm cuối cùng và dịch vụ mà công dân của một nước làm ra trong một khoảng thời gian nào đó, thông thường là một năm tài chính, không kể làm ra ở đâu (trong hay ngoài nước). *iii*) Tổng thu nhập quốc gia (GNI) là chỉ tiêu phản ánh tổng thu nhập lần đầu, được tạo ra từ các yếu tố thuộc sở hữu của quốc gia, tham gia vào hoạt động sản xuất trên phạm vi lãnh thổ quốc gia hoặc ở trên lãnh thổ nước ngoài tại một thời kỳ nhất định. *iv*). GNI bình quân đầu

người, là chỉ tiêu được tính bằng tổng thu nhập quốc dân chia cho dân số trung bình năm. Khi so sánh và đánh giá sự tăng trưởng của các quốc gia, nhiều tổ chức có thể dùng các tiêu chí như GDP, GNP hay GNI hay GNI/người, GDP/người tính theo sức mua tương đương. Tuy nhiên, các tiêu chí này chỉ phản ánh sự tăng trưởng kinh tế về lượng đơn thuần. Chính vì vậy, UNDP đã lượng hóa tác động của sự tăng trưởng đến sự phát triển con người, thể hiện ở cuộc sống khỏe mạnh và trường thọ, có tri thức và những nguồn lực, để đảm bảo một cuộc sống tốt hơn qua chỉ số phát triển con người HDI. Đây là chỉ số tổng hợp phản ánh chất lượng cuộc sống, đặc biệt còn được sử dụng để xác định sự ảnh hưởng của các chính sách kinh tế đến chất lượng cuộc sống.

Cho đến nay, dựa vào các chỉ tiêu và một số dấu hiệu khác, trên thế giới đã có sự phân loại các quốc gia theo mức độ phát triển như: Căn cứ vào thay đổi *cơ cấu ngành kinh tế* trong quá trình phát triển của các quốc gia đã hoàn thành công nghiệp hóa, năm 1955, Rostow xác định, các quốc gia cần qua 5 giai đoạn; căn cứ thu nhập theo đầu



người, WB chia các quốc gia thành 4 nhóm: thấp, trung bình thấp, trung bình cao, cao; căn cứ theo thu nhập, đầu tư và khả năng trả nợ, IMF chia các nền kinh tế thành 2 nhóm: Các nước tiên tiến và các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi; căn cứ vào chỉ số phát triển con người, UNDP phân loại các nước thành 4 nhóm: Trình độ phát triển con người thấp, trung bình, cao và rất cao; phân loại quốc gia theo các giai đoạn thực hiện quá trình công nghiệp hóa, UNIDO, năm 2012 chia thành 4 nhóm nước: Đã công nghiệp hóa, nền kinh tế công nghiệp mới nổi; nền kinh tế đang phát triển khác và nền kinh tế kém phát triển. Ngoài ra, tùy theo mục tiêu, các nhà nghiên cứu còn phân loại theo các chỉ số: Chỉ số hạnh phúc hành tinh; chỉ số hạnh phúc thế giới; hiệu quả hoạt động môi trường; đổi mới sáng tạo toàn cầu; kinh tế tri thức; tự do kinh tế; năng lực cạnh tranh toàn cầu; năng lực cạnh tranh công nghiệp; chỉ số chất lượng cuộc sống tốt hơn; chỉ số GINI; chỉ số dân chủ; chỉ số cảm nhận tham nhũng; chỉ số hòa bình toàn cầu. Gần đây, đã có một số chỉ tiêu phản ánh chất lượng tăng trưởng như: GDP

xanh; chỉ số (MDGs) quan tâm nhiều hơn đến cảm nhận về hạnh phúc và quyền tự do trong các quốc gia...

2. Việc xác định mục tiêu phát triển trong ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của một quốc gia luôn có vị trí quan trọng hàng đầu đối với các chính phủ, là cơ sở để xây dựng các chính sách, giải pháp thực hiện, vừa thể hiện trọng tâm ưu tiên, thông qua vai trò nhà nước và sự vận động của cơ chế thị trường để phân bổ có hiệu quả các nguồn lực. Các mục tiêu khi được xác định là tiền đề cho việc xây dựng hệ chỉ tiêu trên từng lĩnh vực, thông qua việc thực hiện cũng thể hiện uy tín của chính phủ đối với người dân. Bởi vậy, có một số nguyên tắc chung trong việc xây dựng mục tiêu và chỉ tiêu nhiều quốc gia đã thực hiện là:

*Một là, mục tiêu cần được xác định rõ ràng trong quá trình thực hiện, phù hợp với đặc điểm mỗi quốc gia và xu thế phát triển của thế giới.*

Xây dựng mục tiêu cần phải đảm bảo các yêu cầu: i) Tạo được động lực phấn đấu của người dân, doanh nghiệp thông qua việc chỉ rõ lợi ích người dân được thụ hưởng, tránh để tham vọng chính trị lấn át khả năng

hiện thực hóa trên thực tế; *ii*) Các mục tiêu đặt ra kỳ vọng phát triển, song phải rõ ràng, không mơ hồ, có thể định lượng được, có tính khả thi; *iii*) Vừa có tính kế thừa, vừa dự liệu khả năng đạt được gắn với bối cảnh trong nước, thế giới luôn thay đổi, phù hợp với đặc điểm mỗi nước và mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc; *iv*) Xác định mục tiêu vừa có tính động, mở nhưng phải rõ hướng ưu tiên, có khả năng điều chỉnh qua từng giai đoạn. Kinh nghiệm đưa ra định hướng mục tiêu của một số nước khá rõ ràng, thể hiện khát vọng, không gây tranh cãi, như: Mục tiêu trong Chiến lược 2011-2025: Phát triển Ấn Độ vươn tầm, tiến bộ, công bằng và thịnh vượng; với Thái Lan là tầm nhìn phát triển 2017-2036: an ninh, thịnh vượng và bền vững; Trung Quốc xây dựng toàn diện xã hội khá giả...

*Hai là, các chỉ tiêu đặt ra không nên quá nhiều, nhất là các chỉ tiêu pháp lệnh, đồng thời chuyển từ đo lường tăng trưởng, phát triển về lượng sang chất lượng phúc lợi người dân được thụ hưởng.*

Xây dựng và thực hiện hệ chỉ tiêu phục vụ mục tiêu phát triển đất nước

chịu sự chi phối bởi nhiều yếu tố, trong đó có vai trò của nhà nước và mức độ hoàn thiện của thị trường. Các nước phát triển, vai trò can thiệp của nhà nước vào hoạt động của nền kinh tế ít hơn, chẳng hạn ở Anh, khi xây dựng mục tiêu dài hạn, xác định xây dựng một nền kinh tế mạnh hơn và bảo đảm tốt hơn cho sự phát triển đất nước bằng việc xác định 5 chỉ tiêu: giảm thâm hụt ngân sách; cắt giảm thuế; tạo thêm việc làm; bảo đảm phúc lợi và giảm nhập cư; cung cấp trường học tốt nhất. EU chỉ xác định có 6 chỉ tiêu pháp lệnh. Các mục tiêu, chỉ tiêu này phần lớn mang ý nghĩa cam kết của chính phủ, hoặc để giải trình chi tiêu, không có ý nghĩa pháp lý chính phủ phải đạt được. Bên cạnh đó, điểm mới trong việc xây dựng mục tiêu, tiêu chí hiện nay là chuyển từ đo lường tăng trưởng, phát triển kinh tế và thu nhập sang phúc lợi cho người dân, lấy người dân làm trung tâm. Cách tiếp cận này có sự giống nhau ở các nước phát triển, đặc biệt là các nước Bắc Âu.

*Ba là, việc xây dựng và thực hiện mục tiêu, hệ tiêu chí luôn tính đến các nhân tố bất thường khi nền kinh tế gặp cú sốc lớn, nhất là chiến tranh, thiên*

*tai, khủng hoảng, bệnh dịch...* điều đó đòi hỏi:

*Xây dựng cơ chế tự điều chỉnh các chỉ tiêu, các ngưỡng tài chính, ngân sách.* Khi có nhân tố bất thường, các cơ chế điều chỉnh tự động và phản hồi chính sách được kích hoạt, giúp chính phủ tăng cường hiệu lực thực, điều chỉnh các nguồn lực. Chẳng hạn, *đối với nợ công*: Ba Lan và Slovakia đặt mức trần nợ công ở mức tương đương 60% GDP. Tại Slovakia, khi tỷ lệ nợ lên 50% GDP, Bộ trưởng Tài chính có nghĩa vụ giải trình trước Quốc hội và đưa ra những giải pháp giảm nợ công; khi lên tới mức 53% GDP, Chính phủ có thể sẽ thông qua một gói các biện pháp để giảm mức nợ; và khi tới mức 55% GDP, chi tiêu công có thể sẽ bị cắt giảm tự động 3% và chi tiêu cho năm kế tiếp sẽ bị “đóng băng”, trừ các quỹ liên kết với EU. *Đối với cân đối NSNN*: Quy tắc cân bằng cơ cấu ngân sách của Thụy Sĩ và Đức có cơ chế tự điều chỉnh nhằm “phanh nợ”. Khi sự chênh lệch tích lũy vượt một ngưỡng thì cơ chế “chỉnh sửa” nhằm làm giảm chênh lệch sẽ được kích hoạt, với thời hạn cho điều chỉnh được xác lập sẵn.

*Quy định trường hợp được phép miễn*

*áp dụng các nguyên tắc tài chính, ngân sách hiện hành khi khẩn cấp.* Các điều khoản miễn áp dụng các quy định tài chính, ngân sách, cụ thể là: *i)* Giới hạn và xác định rõ những yếu tố, những trường hợp được phép miễn áp dụng; *ii)* Đưa ra chỉ dẫn rõ ràng về việc nội dung, cách thức giải trình, lý giải và việc xác định các trường hợp; *iii)* Xác định lộ trình quay trở lại áp dụng các quy định đã bị hoãn để xử lý những sai lệch. Các điều khoản miễn áp dụng này được thực hiện ở Brazil, Colombia, Đức, Mexico, Jamaica, Panama, Peru, Romania, Slovakia, Tây Ban Nha và Thụy Sĩ, nhất là trong giai đoạn suy thoái kinh tế, thiên tai hay giải cứu hệ thống ngân hàng (Slovakia). Trong thời kỳ khủng hoảng tài chính, nhiều nước đã tạm thời không áp dụng cơ chế, nguyên tắc tài chính, ngân sách hoặc được điều chỉnh bằng cách nói lỏng theo hướng linh hoạt hơn...

*Bốn là, một số chỉ tiêu là ngưỡng an toàn cần phải điều chỉnh theo giai đoạn, nhất là khi bối cảnh mới tác động mạnh đến điều kiện thực hiện*

Các ngưỡng nêu trên hầu hết có ý nghĩa cảnh báo cho các nước, trong quá trình điều hành kinh tế vĩ mô, điển

hình là trường hợp ngưỡng an toàn về nợ công, nợ nước ngoài như ở một số quốc gia châu Âu. Đối với ngưỡng về dự trữ ngoại hối, một số nước như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc,... không tính đến các ngưỡng thông thường do có dự trữ nhiều. Gần đây, IMF (2013) đã đưa yếu tố nhận kiều hối, là nhân tố quan trọng trong đánh giá tính bền vững của nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia...

Một số nhân tố ảnh hưởng tới việc áp dụng và cảnh báo các chỉ tiêu có liên quan tới chuẩn mực an toàn, quy định về thống kê, thu thập dữ liệu, việc phân tích, công khai chỉ tiêu và khả năng so sánh quốc tế, đặc biệt là các yếu tố chính trị, kinh tế,... ảnh hưởng tới việc xây dựng và áp dụng các chỉ tiêu kinh tế của mỗi quốc gia cũng cần được điều chỉnh.

*Năm là, xây dựng và thực hiện mục tiêu, hệ tiêu chí phát triển đất nước hiện nay ở các nước ASEAN cần tính đầy đủ, sâu sắc các nhân tố tác động mới, như: i) Tác động của Đại dịch Covid-19; ii) Tác động của căng thẳng thương mại Mỹ - Trung lên các lĩnh vực thương mại và đầu tư, tài chính; iii) Gia tăng xu hướng Nam tiến (ASEAN) của các*

*nước Hàn Quốc, Nhật Bản, vùng lãnh thổ Đài Loan; iv) Tranh chấp lãnh hải và thay đổi lớn trong các tuyến hàng hải quốc tế qua Biển Đông; v) Tác động của tiến bộ công nghệ, đặc biệt là Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư; vi) Sự phân tán đầu tư quốc tế từ một số nước lớn ra các nước khác; vii) Chi phí nhân công trong nước ngày càng tăng; viii) Nguy cơ tăng ô nhiễm môi trường; ix) Hệ lụy của biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn.*

## **II. Về mục tiêu, hệ chỉ tiêu phát triển đất nước trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng**

1. Các Văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng đã nêu các mục tiêu đến 2045, 2030 và 2025 với mục tiêu tổng quát và các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể. Theo đó, Báo cáo Chính trị xác định mục tiêu tổng quát với 7 nội dung: “*Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp*

với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”<sup>1</sup>. Đồng thời, xác định 3 mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn:

- Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Căn cứ theo các mục tiêu cụ thể này, các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025 được xác định theo 3 nhóm về kinh tế, xã hội và môi trường, theo đó về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 5 năm đạt khoảng 6,5-7%/năm. GDP bình

quân đầu người khoảng 4.700 - 5.000USD; đóng góp của năng xuất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 45%; tốc độ tăng năng xuất xã hội bình quân trên 6,5%/năm; tỷ lệ đô thị hóa khoảng 45%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt trên 25% GDP; kinh tế số đạt khoảng 20% GDP. Về xã hội: Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%; tỷ lệ lao động qua đào tạo là 70%; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1-1,5%/năm; có 10 bác sĩ và 30 giường bệnh trên một vạn dân; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số; tuổi thọ trung bình khoảng 74,5% tuổi; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới tối thiểu 80%, trong đó ít nhất 10% đạt chuẩn nông thôn kiểu mẫu. Về môi trường: Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là 95-100%, nông thôn là 93-95%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%; tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 92%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý

đạt 100%; giữ tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%<sup>2</sup>.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, xác định 7 nội dung lớn của mục tiêu tổng quát: “...*Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao*”, nhấn mạnh đến năm 2030, Việt Nam có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo... không ngừng nâng cao mọi mặt đời sống của người dân. Đồng thời, cũng đưa ra 3 nhóm chỉ tiêu gồm: 7 chỉ tiêu về kinh tế; 4 chỉ tiêu về xã hội và 5 chỉ tiêu về môi trường. Việc xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể, hệ thống các chỉ tiêu trên có một số điểm đáng lưu ý:

*Một là*, các mục tiêu cơ bản đã rõ ràng, cụ thể, có tính kế thừa, hợp lý hơn giữa nhóm chỉ tiêu về kinh tế và nhóm chỉ tiêu về xã hội và môi trường, phản ánh được đặc điểm, trình độ phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Để thực hiện tốt các chỉ tiêu, luôn coi trọng các điều kiện đảm bảo.

*Hai là*, mục tiêu, chỉ tiêu đã mang tính động lực, thể hiện được mục tiêu phấn đấu và hướng kết quả người dân được thụ hưởng. Phản ánh được thành quả phát triển của đất nước theo các mốc sự kiện lịch sử, nhưng vẫn phù hợp với xu thế, chuẩn mực chung của thế giới về phân loại quốc gia, thu nhập, có thể đo lường được.

*Ba là*, cơ cấu các chỉ tiêu đã có xu hướng giảm, năm 2025 khoảng 19 tiêu chí, năm 2030 còn 17 chỉ tiêu, từng bước phản ánh được mức độ hiện đại của nền kinh tế, như các chỉ tiêu về TFP, chỉ tiêu về kinh tế số... Từng bước xác định, thể hiện gắn bó hữu cơ giữa các nhóm chỉ tiêu về *phát triển*, phản ánh khái quát tình hình phát triển trong từng giai đoạn 2025, 2030 và tầm nhìn 2045. Nhóm chỉ tiêu về *chất lượng phát triển* của nền kinh tế, liên quan đến tính bao trùm, tính bền vững của nền kinh tế và chất lượng cuộc sống của người dân. Nhóm chỉ tiêu về động lực phát triển, tập trung vào các vấn đề thể chế phát triển, môi trường kinh doanh, cơ sở hạ tầng, chất lượng đổi mới sáng tạo và nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Đã chú ý tới nhóm chỉ tiêu về động lực

phát triển, bám sát các *khâu đột phá* trong từng giai đoạn 2030, 2045.

*Bốn là*, từng bước tách dần các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung hướng tới mục tiêu phát triển trong từng thời kỳ với chỉ tiêu phục vụ quản lý, điều hành của Nhà nước, như các cân lớn cần đạt, các chỉ tiêu về tăng tổng tích lũy tài sản khoảng 27-28% GDP; duy trì tỷ trọng tiêu dùng cuối cùng không thấp hơn 73% GDP; tổng đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm bằng khoảng 32-34% GDP; tỷ lệ huy động nguồn ngân sách nhiệm kỳ khóa XIII đạt khoảng 15-16% GDP; nợ công 60% GDP...

*Năm là*, đã từng bước chuyển trọng tâm xác định tiêu chí theo hướng đo lường tăng trưởng kinh tế và thu nhập, sang chất lượng cuộc sống, mức độ hạnh phúc của người dân, lấy người dân làm trung tâm, không ai bị bỏ lại phía sau. Chẳng hạn, bên cạnh việc xác định chỉ tiêu tăng trưởng GDP và GDP theo đầu người, Việt Nam cũng đưa ra các chỉ tiêu theo lộ trình nhằm phấn đấu giảm bất bình đẳng về thu nhập, về chất lượng giáo dục, y tế, tác hại về môi trường, điều này thực chất là sự phản ánh tính ưu việt của nền

kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, luôn gắn thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế với các chính sách xã hội, gắn ngay từ đầu, trong từng bước đi, từng chính sách phát triển.

### **III. Bối cảnh, nguyên tắc và định hướng một số giải pháp thực hiện tốt các chỉ tiêu, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước ở Việt Nam thời gian tới**

**1.** Bối cảnh mới của đất nước đặt ra nhiều thời cơ và thách thức trong việc thực hiện các chỉ tiêu, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước 2025 đến 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, từng giai đoạn thực hiện tốt, sẽ là tiền đề để thực hiện các mục tiêu của giai đoạn tiếp theo và trước hết mục tiêu là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp vào năm 2025. Các nhân tố bên ngoài tác động đến việc thực hiện các chỉ tiêu trong từng giai đoạn, trước hết là một số xu thế lớn của thế giới đang nổi lên hiện nay về hòa bình, hợp tác, liên kết để phát triển đi kèm theo là chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xung đột cực bộ, sắc tộc, tranh chấp lãnh thổ; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn cùng với

sự điều chỉnh chiến lược, chính sách ở nhiều quốc gia; tình hình Biển Đông diễn biến phức tạp. Một số nhân tố tác động tới tăng trưởng kinh tế, như Covid-19, các liên kết kinh tế khu vực bị ảnh hưởng bởi liên kết kinh tế toàn cầu; xu hướng đa cực, nhiều trung tâm kinh tế làm xuất hiện nhiều nền kinh tế mới nổi; nhiều mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn như kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh. Sự xuất hiện ngày càng nhiều các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đi đôi với việc gia tăng các hàng rào bảo hộ thương mại phi thuế quan. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các thách thức về biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, thiên tai dịch bệnh... là những thách thức, thời cơ đan xen đối với mỗi quốc gia trong quá trình phát triển.

Ở trong nước, thuận lợi căn bản chính là cơ đồ, vị thế, uy tín và tiềm lực của đất nước sau 35 năm đổi mới, tình hình chính trị và xã hội, kinh tế vĩ mô ổn định. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo chiều sâu, chất lượng tăng trưởng được cải thiện. Các lĩnh vực văn hóa xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường... Bên

cạnh đó, vẫn còn nhiều rủi ro, thách thức trong việc hoàn thành các chỉ tiêu phát triển. Nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình và khả năng tụt hậu xa hơn về kinh tế vẫn là thách thức lớn; một số khó khăn nội tại của nền kinh tế vẫn chậm được khắc phục. Độ mở của nền kinh tế lớn làm cho những tác động bất lợi từ bên ngoài diễn ra nhanh và mạnh hơn. Một số vấn đề xã hội gây áp lực lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội, ảnh hưởng tới việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển giai đoạn 2021- 2025 và những năm tiếp theo, như già hóa dân số, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai dịch bệnh, đặc biệt là những diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 trên thế giới và trong nước hiện nay.

## *2. Các nguyên tắc trong thực hiện hệ chỉ tiêu phù hợp với thực tiễn Việt Nam*

Để thực hiện tốt các chỉ tiêu, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước trong giai đoạn mới, cần xác định đúng đắn một số nguyên tắc cơ bản sau:

a, Quán triệt đầy đủ 5 quan điểm chỉ đạo được nêu trong Báo cáo Chính trị trình Đại hội XIII của Đảng; xử lý đúng đắn 10 mối quan hệ lớn trong quá trình đẩy mạnh công cuộc



đổi mới, đây là các nguyên tắc chung, bao trùm chi phối toàn bộ sự phát triển của đất nước hiện nay và giai đoạn tiếp theo.

*b*, Đảm bảo tính nhất quán, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ giữa chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; giữa phát triển bên trong và tranh thủ bên ngoài, trong đó giữ ổn định, phát triển bên trong có vai trò quyết định.

*c*, Luôn xác định các hướng ưu tiên, khâu đột phá trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu, phục vụ mục tiêu phát triển, nhất là trong điều kiện có những tác động bất lợi từ bên ngoài. Đây là cơ sở để tạo đột biến trong phát triển.

**3. Định hướng một số giải pháp cơ bản trong thời gian tới**

*Một là*, đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về thuận lợi và khó khăn, nội dung cơ bản các văn kiện Đại hội, nhiệm vụ, mục tiêu, các nhóm biện pháp cụ thể thực hiện các chỉ tiêu ngay sau Đại hội Đảng, cũng như sớm kiện toàn các cơ quan trong hệ thống chính trị của nhiệm kỳ mới. Mục tiêu, hệ chỉ tiêu cần đạt trong mỗi giai đoạn cần phải quán triệt sâu rộng, thiết thực,

hiệu quả tới tất cả cán bộ, đảng viên và nhân dân, các cấp, các ngành trong cả nước. Lòng tin, sự kỳ vọng vào một giai đoạn mới, khát vọng phát triển là một động lực quan trọng để biến chủ trương, đường lối của Đảng thành hành động cách mạng cụ thể. Tuy nhiên, việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phải dựa trên kế hoạch, chương trình hành động cụ thể, có lộ trình, điều kiện đảm bảo và rõ trách nhiệm. Vì thế yêu cầu kiện toàn bộ máy lãnh đạo, các cơ quan trong hệ thống chính trị ngay từ đầu nhiệm kỳ là hết sức quan trọng để tổ chức thực hiện.

*Hai là*, tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị xã hội của các cơ quan công quyền, đẩy nhanh quá trình xây dựng chính phủ điện tử, chính phủ số trong điều kiện mới. Thể chế phát triển, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa khi được hoàn thiện có vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường pháp lý minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, giải phóng sức sản xuất xã hội, phát huy hiệu quả các đột phá chiến lược, các giải pháp để thực hiện

các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, xây dựng đội ngũ cán bộ công quyền chuyên nghiệp; đổi mới mạnh mẽ việc phân cấp, phân quyền, từng bước cụ thể hóa các mục tiêu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính phủ số đứng trong nhóm 50 và môi trường kinh doanh của Việt Nam được xếp vào nhóm 30 quốc gia hàng đầu thế giới.

*Ba là*, tiếp tục thúc đẩy đi vào chiều sâu việc cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện mới. Cơ cấu lại nền kinh tế trong điều kiện Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam phải được thực hiện quyết liệt, thực chất. Mô hình tăng trưởng phải hướng tới năng suất, sức cạnh tranh dựa trên khoa học và công nghệ. Do vậy, đẩy nhanh phát triển kinh tế số, xã hội số, sản xuất thông minh, các mô hình sản xuất kinh doanh mới. Cần cơ cấu lại đầu tư theo các mục tiêu, nhiệm vụ ưu tiên, nhất là các chỉ tiêu có tính động lực, phản ánh chất lượng tăng trưởng. Xây dựng và hoàn thiện

nền tài chính quốc gia hiện đại, đảm bảo hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh, tính minh bạch và áp dụng các chuẩn mực quốc tế. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, quản trị hiện đại theo chuẩn mực quốc tế. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

*Bốn là*, trong điều kiện mới, việc thực hiện các chỉ tiêu phục vụ mục tiêu phát triển phụ thuộc rất nhiều vào khoa học, công nghệ và chất lượng nguồn nhân lực, các lĩnh vực văn hóa, xã hội con người. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với thị trường và thông lệ quốc tế, có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ, lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Tiếp tục mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường khoa học, công nghệ gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu. Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, coi đó là động lực chính để tăng trưởng kinh tế.

Thúc đẩy sự phát triển của khoa học xã hội và nhân văn, lý luận chính trị. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ.

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành; chú trọng đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, quản lý xã hội. Tạo sự chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, gắn đào tạo với sử dụng, đặc biệt là những lĩnh vực, mục tiêu đất nước ưu tiên. Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn trong gia đình, nhà trường và xã hội. Nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe cho người dân. Phấn đấu sớm hoàn thành các mục tiêu theo Chương trình

ngành sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

*Năm là*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong thực hiện các chỉ tiêu phục vụ mục tiêu phát triển đất nước. Việc giảm dần các chỉ tiêu pháp lệnh trong thiết kế mô hình phát triển là xu thế chung của các quốc gia trên thế giới, điều này cũng phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Do đó vai trò lãnh đạo, định hướng của Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước có ý nghĩa hết sức quan trọng. Các cấp ủy Đảng căn cứ theo chủ trương chung, xác định các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm để lãnh đạo việc tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, chính quyền các cấp phải có chương trình hành động cụ thể, nâng cao hiệu quả quản trị công, xây dựng bộ máy công quyền hoạt động hiệu lực, hiệu quả; huy động các nguồn lực, đặc biệt là các nguồn lực ngoài ngân sách. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu, các mục tiêu cũng như xử lý kịp thời các vấn đề đặt ra trong thực tiễn ■

<sup>1, 2</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.112, 114.

# TÍNH KHOA HỌC, HIỆN THỰC VÀ KHẢ THI CỦA CÁC QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ GIẢI PHÁP CỦA ĐẠI HỘI XIII

● **Thiếu tướng, PGS, TS PHAN XUÂN TUY**  
*Hiệu trưởng Trường Đại học An ninh nhân dân*



**Đ**ại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng diễn ra trong bối cảnh sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo đã được tiến hành 35 năm và đạt “những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử”. Đất nước

chưa bao giờ có “cơ đồ, tiềm lực vị thế và uy tín quốc tế như hiện nay”. Vì vậy, Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng gắn với việc đánh giá 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới; 30 năm thực

hiện Cương lĩnh năm xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020; đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, xác định mục tiêu, phương hướng đến năm 2030 và tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2045. Các văn kiện Đại hội, theo đó, phải vừa đề ra quan điểm chỉ đạo mang tính tổng kết thực tiễn, khái quát, hệ thống hóa lý luận; vừa cụ thể hóa thành các chủ trương, giải pháp phát triển đất nước trong từng giai đoạn, trên từng vấn đề. Đường lối của Đảng vốn phải được hiểu là “hệ thống quan điểm, chủ trương, giải pháp về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam”<sup>1</sup>.

Tuy nhiên, sau khi Đại hội diễn ra thành công rất tốt đẹp, các văn kiện Đại hội được thông qua và công bố, các hoạt động tuyên truyền xuyên tạc nội dung quan điểm của Đảng, phá hoại thành quả của Đại hội lại tiếp tục được các thế lực thù địch và một số người đẩy mạnh. Họ cho rằng: Các quan điểm và giải pháp của Đại hội XIII đưa ra dày như gai mít, chông

chéo, cái nọ cản trở cái kia nên không thể thực hiện được. Bản chất của luận điệu này là gì?

Xét về logic hình thức, luận điểm trên chỉ nhìn nhận một vài lát cắt của vấn đề, đi vào từng ý tiểu tiết, cố tình cô lập với chỉnh thể, vi phạm phương pháp luận duy vật biện chứng và lịch sử. Chẳng hạn, khi cho rằng các quan điểm và giải pháp mà Đại hội đưa ra là dày đặc, chông chéo, họ chỉ mới xem xét trên từng vấn đề kinh tế/ văn hóa/ xã hội/ đối ngoại/ quốc phòng - an ninh, từng nội dung, giải pháp cho mỗi vấn đề đó mà chưa đồng thời đặt trong tính toàn diện, hệ thống, tính lịch sử - quá trình của toàn bộ các quan điểm, vấn đề cần xem xét. Muốn đúc rút kinh nghiệm của 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII (2006 - 2021), nhận định, dự báo về tình hình, xu thế hiện tại và tương lai phát triển của đất nước; tất yếu phải đánh giá thành tựu và hạn chế của giai đoạn này. Tiếp đó, khi đề ra quan điểm, chủ trương, giải pháp phát triển của giai đoạn 5 năm 2021 - 2026, định hướng đến 2030, tầm nhìn đến 2045, đương nhiên cần kế thừa, bổ sung và phát triển các quan điểm, chủ trương,

giải pháp đã có. Tương tự như vậy, quan điểm, chủ trương, giải pháp trên từng lĩnh vực phải vừa phù hợp với nhận thức về vấn đề chung, khái quát là mô hình và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội của đất nước, vừa phải thể hiện tính kế thừa, phát triển trong tư duy của Đảng ở mỗi giai đoạn, thời kỳ lịch sử. Cái mà họ cho rằng “dày như gai mít, chông chéo” thực chất là yêu cầu không thể không đáp ứng của phương pháp luận biện chứng và lịch sử.

Xét về nội dung, luận điệu “các quan điểm và giải pháp của Đại hội XIII cái nọ cản trở cái kia nên không thể thực hiện được” đang giải thích sai hoặc cố tình đánh tráo luận đề về một số vấn đề cơ bản trong các văn kiện của Đại hội. Điển hình là việc họ cho rằng đã “kiên định niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường mà Đảng và Bác Hồ kính yêu đã lựa chọn”<sup>2</sup>, tức là con đường độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội thì không thể áp dụng “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, bởi đó là sản phẩm đặc thù, là “con đẻ” của chủ nghĩa tư bản. “Kinh tế thị trường định hướng xã hội

chủ nghĩa” là một mô hình “không giống ai” khi kết hợp khiên cưỡng, bằng cách áp đặt chủ quan ý chí của Nhà nước Việt Nam vào quá trình hình thành, vận động và phát triển của kinh tế thị trường - vốn phải hoàn toàn tuân thủ các quy luật kinh tế...

Trên cơ sở thực tiễn lịch sử nhân loại và kinh nghiệm của chính Việt Nam, Đảng ta đã đúc rút những kết luận hết sức quan trọng: Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội “bỏ qua” hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa “tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”<sup>3</sup>. Kinh tế thị trường vốn không phải là sản phẩm riêng có của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu chung của nền văn minh nhân loại. Kinh tế thị trường thực chất là kinh tế hàng hóa ở trình độ phát triển cao, có mầm mống từ giai đoạn cuối của xã hội chiếm hữu nô lệ; chủ nghĩa tư bản phát triển kinh tế thị trường lên trình độ cao

chứ không sinh ra nó. Như vậy, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, Đảng xác định quan điểm phát triển “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” là hoàn toàn đúng đắn, thể hiện tư duy biện chứng, kế thừa, đổi mới và phát triển. Đồng thời, từ quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, đặc biệt là tại Đại hội XIII, Đảng cũng đã dần bổ sung, phát triển nhận thức về “định hướng xã hội chủ nghĩa” trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay; chỉ ra hệ thống chủ trương, giải pháp để từng bước hiện thực hóa, phát huy tác dụng của mô hình kinh tế ấy.

Trên cơ sở nhận chân luận điệu nêu trên, để bác bỏ nó, chúng ta cần làm rõ các căn cứ cơ bản sau:

*Thứ nhất*, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung, đường lối của Đại hội XIII nói riêng được xây dựng trên cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc, đặc biệt là thực tiễn của sự nghiệp đổi mới 35 năm qua. Về lý luận, đó là sự “kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” về mô hình và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về xây dựng Đảng, kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng,

nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ; về phát huy dân chủ, “dân là gốc”; về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về phát triển hài hòa kinh tế - văn hóa - xã hội - bảo vệ môi trường, đề cao mục tiêu vì con người. Đó còn là sự kế thừa, phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc, tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, thể hiện tập trung ở các quan điểm: “*Khơi dậy tinh thần và ý chí, quyết tâm phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; dân tộc cường thịnh, trường tồn; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”<sup>4</sup>; “chú trọng đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển nền kinh tế số, xã hội số..., ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư...”<sup>5</sup>.

Về thực tiễn, những thành tựu mà Việt Nam đạt được trong sự nghiệp đổi mới, cụ thể là trong nhiệm kỳ khóa XII chứng tỏ hệ thống quan điểm, chủ trương, giải pháp của Đảng qua nhiều kỳ đại hội đã có tính khả thi rất cao, phát huy được giá trị khoa học cũng như giá trị thực tiễn của mình. Theo đánh giá của Đại hội XIII, đó là những

thành tựu “rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật”. Cụ thể, trong 35 năm đổi mới, kinh tế nước ta duy trì được tốc độ tăng trưởng bình quân khá cao (khoảng 6%/năm). Chất lượng tăng trưởng được cải thiện, kinh tế vĩ mô được ổn định vững chắc. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được đặc biệt chú trọng, được tiến hành toàn diện, đồng bộ, hiệu quả trên tất cả các mặt. Trước tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, chúng ta đã chủ động xử lý thành công các tình huống, không để bị động, bất ngờ, giữ vững an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và trật tự, an toàn xã hội. Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế được đẩy mạnh, không ngừng mở rộng và đi vào chiều sâu. Năm 2020, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tác động mạnh đến tình hình thế giới và trong nước, gây nhiều thiệt hại về kinh tế - xã hội, Việt Nam vẫn đạt kết quả, thành tích quan trọng, được thế giới ghi nhận, ngưỡng mộ. Trong khi kinh tế thế giới suy thoái, tăng trưởng âm gần 4%, kinh tế nước ta vẫn đạt tỉ lệ tăng trưởng 2,91%, là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng

trưởng cao nhất thế giới... Đặc biệt, chúng ta đã kịp thời khống chế, cơ bản kiểm soát, ngăn chặn được sự lây lan của Covid - 19 trong cộng đồng; giảm thiểu những tổn thất, thiệt hại do dịch bệnh gây ra, đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội cho nhân dân; thực hiện thành công “mục tiêu kép” - vừa khống chế, ngăn chặn đại dịch, vừa phục hồi, phát triển kinh tế, bảo đảm đời sống và an toàn cho người dân. Những điều này khiến Việt Nam trở thành “điểm sáng” trong bức tranh kinh tế toàn cầu và thể hiện rõ rệt tính ưu việt, nhân văn của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Hệ thống quan điểm, chủ trương, giải pháp của Đại hội XIII, với những cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc, phong phú, sinh động như thế tất yếu bảo đảm tính khoa học, hệ thống, vừa toàn diện, vừa lịch sử, cụ thể và khả thi.

*Thứ hai*, các quan điểm, chủ trương, giải pháp được Đại hội XIII đưa ra không phải trên “mảnh đất trống” về nhận thức mà dựa trên sự kế thừa, phát triển những quan điểm chỉ đạo, giải pháp đã có từ nhiều kỳ đại hội trước đó. Nhiều vấn đề mang tính nguyên tắc luôn được thể hiện trong các văn kiện Đảng một cách nhất quán: Kiên định và



vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định đường lối đổi mới của Đảng, kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng; chủ trương xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện, kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia... Vì vậy, không thể nói những quan điểm, giải pháp được Đảng đề ra trước đây đã mang lại hiệu quả thiết thực, đến Đại hội XIII tiếp tục kế thừa, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới lại không thể thực hiện được. Đó là một nghịch lý!

*Thứ ba*, các quan điểm, chủ trương, giải pháp mà Đại hội XIII đưa ra đã được tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên (các ý kiến đóng góp được tổng hợp lại thành 1.410 trang, Báo cáo Tổng hợp ý kiến đóng góp gần 200 trang); được góp ý, chỉnh sửa nhiều lần (riêng Báo cáo chính trị được chỉnh sửa khoảng

30 lần); được nhiều nhà nghiên cứu khoa học, nhà lý luận nghiên cứu, biên soạn một cách nghiêm túc, tính toán từng từ, từng câu. Theo báo cáo “Về quá trình chuẩn bị các văn kiện”, ngay từ Hội nghị Trung ương 8 khóa XII (tháng 10/2018), Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thành lập các tiểu ban chuẩn bị văn kiện: Tiểu ban Văn kiện, Tiểu ban Kinh tế - xã hội và Tiểu ban Điều lệ Đảng. Trong hơn hai năm qua, các tiểu ban đã tiến hành xây dựng chương trình, kế hoạch làm việc, tổ chức nghiên cứu lý luận (60 cuộc hội thảo, tọa đàm về các vấn đề của Văn kiện), tổng kết thực tiễn và khảo sát thực tế (thành lập 50 đoàn khảo sát); tổ chức lấy ý kiến các lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước, tham vấn các chuyên gia, tọa đàm với Ngân hàng thế giới và các tổ chức quốc tế. Các cơ quan nghiên cứu lý luận, khoa học đã gửi khoảng 80 báo cáo tư vấn, kiến nghị cho các tiểu ban. Dự thảo Văn kiện được đánh giá có quá trình chuẩn bị “công phu, chu đáo, bài bản, qua nhiều lần, nhiều vòng, từng bước hoàn thiện, có nhiều đổi mới quan trọng về nội dung và phương pháp” nên sau khi được thông qua tại Đại hội và bổ sung,

chỉnh sửa càng được nâng tầm giá trị<sup>6</sup>.  
Biểu hiện cụ thể là:

- Các quan điểm, chủ trương, giải pháp được Văn kiện Đại hội trình bày theo phương pháp chủ yếu là lịch sử kết hợp với logic, bảo đảm tính khoa học, phù hợp thực tiễn. Nội dung được chia tách thành từng mảng vấn đề bám sát lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là lý luận hình thái kinh tế - xã hội của Mác và tư tưởng Hồ Chí Minh về mô hình, con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Điều này khiến người đọc, người nghiên cứu nhận thức rõ sự “kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” trong đường lối của Đảng và dễ theo dõi, quán triệt, thực hiện...

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII tại Đại hội là một minh chứng sinh động. Cấu trúc cơ bản của Báo cáo được thể hiện theo trục lịch sử: Từ tổng kết, đánh giá “kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XII và cơ đồ đất nước sau 35 năm đổi mới” đến “tầm nhìn và định hướng phát triển” trong các giai đoạn tới (bao gồm nội dung dự báo tình hình, quan

điểm chỉ đạo, mục tiêu, định hướng chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển 10 năm 2021 - 2030). Sau khi trình bày mục tiêu, quan điểm, định hướng phát triển khái quát trên tất cả các lĩnh vực của đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Báo cáo đi vào phân tích chủ trương, giải pháp trên các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Đó là các thành tố thuộc từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng: Từ mô hình tăng trưởng đến thể chế kinh tế; từ giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ và văn hóa, xã hội, trong đó chú trọng vấn đề tài nguyên, môi trường đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại; từ củng cố, phát huy nền tảng, động lực của hệ thống chính trị là khối đại đoàn kết toàn dân tộc đến xây dựng, hoàn thiện các thiết chế của hệ thống chính trị là Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên... Cuối cùng, Báo cáo chính trị chốt lại “Những nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ Đại hội XIII” để cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nắm vững và chú trọng thực hiện.

- Văn kiện Đại hội có văn phong súc tích, từ ngữ chặt chẽ, mỗi nhận định, đánh giá, nội dung bổ sung đều có căn cứ, lý do xác đáng, thể hiện tư duy kế thừa, đổi mới, phát triển.

Ví dụ: Trong nhận định, đánh giá về nhiệm kỳ Đại hội XII và tổng kết 35 năm đổi mới, Đại hội khẳng định: Chúng ta đã đạt nhiều thành tựu “rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật”. Gắn với đánh giá đó, Văn kiện dẫn giải, phân tích căn cứ thực tiễn xác đáng là thành tựu trên từng lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và xây dựng Đảng, có số liệu thống kê định lượng chứng minh. Kết hợp với những nhận xét, đánh giá của đại diện chính phủ các nước trên thế giới/các tổ chức quốc tế, của truyền thông và dư luận quốc tế, khẳng định của Đại hội XIII càng tăng thêm giá trị thuyết phục.

Hoặc, Đại hội bổ sung mối quan hệ cơ bản cần chú trọng bảo đảm là mối quan hệ giữa thực hành dân chủ với tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương xã hội; nhấn mạnh một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm là “*quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; tăng cường bảo vệ, cải thiện môi*

*trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu*”<sup>7</sup>. Đây là sự kế thừa quan điểm về các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời cập nhật những diễn biến mới của tình hình kinh tế - xã hội, thực trạng biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường gia tăng ở trong nước và xu thế phát triển chung của thế giới.

Điển hình là quan điểm của Đảng về “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Khái niệm này trong Văn kiện Đại hội XIII thể hiện rõ nét quá trình tư duy mang tính kế thừa, bổ sung, phát triển của Đảng. Tại Đại hội IX, Đảng ta lần đầu tiên nêu khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”: Là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và “chịu” sự dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội. Đến Đại hội X và XI, Đảng chỉnh sửa chữ “chịu” thành “được” trong “được sự dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội”. Đại hội XII bổ sung, điều chỉnh thêm một bước khái niệm cho phù hợp yêu cầu của thực tiễn phát triển kinh tế thị trường

ở nước ta: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”<sup>8</sup>. Điểm mới ở đây là sự nhấn mạnh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trước hết cần “vận hành đầy đủ, đồng bộ” theo các quy luật của kinh tế thị trường, giảm thiểu, đi đến xóa bỏ sự can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính, mang tính chất chủ quan, duy ý chí của các cơ quan quản lý nhà nước, tôn trọng và thực hiện đầy đủ các quy luật kinh tế như: Quy luật giá trị, cung cầu, cạnh tranh... Điều này thể hiện sự thay đổi toàn diện, triệt để tư duy của Đảng về kinh tế thị trường theo hướng coi kinh tế thị trường là cơ chế vận hành của toàn bộ nền kinh tế, quyết định việc phân bổ mọi nguồn lực đầu vào, đầu ra của quá trình sản xuất, kinh doanh.

Một nét mới nữa trong khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” tại Đại hội XII là luận điểm: “Bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước”. Nhận thức này góp phần giải quyết sự khó khăn, vướng mắc giữa lý luận với thực tiễn, khi mà thành phần kinh tế nhà nước, công cụ chủ yếu để Nhà nước ta điều tiết nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa trên thực tế chưa tạo ra đa số việc làm cho xã hội cũng như đóng góp tỉ trọng ưu thế trong cơ cấu GDP so với thành phần kinh tế tư nhân. Cùng với đó, Đảng định hình rõ nét hơn thế nào là “thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo” theo hướng coi trọng vai trò “định hướng, dẫn dắt, thúc đẩy” các thành phần kinh tế khác hoạt động vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” hơn là căn cứ chủ yếu vào tỉ trọng đóng góp của thành phần kinh tế này trong cơ cấu GDP. Một vài thuật ngữ khi lý giải về các tiêu chí của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng được bổ sung, điều chỉnh: Quan hệ sản xuất “*tiến bộ, phù hợp*” thay cho “*công hữu về các tư liệu*

sản xuất chủ yếu”, “chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, *an sinh xã hội*” thay cho “phúc lợi xã hội”...

Tại Đại hội XIII, khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” được xác lập như sau: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “đân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước”<sup>9</sup>. Xuất phát từ thực tiễn quá trình hội nhập quốc tế toàn diện, ngày càng sâu rộng, hiệu quả của đất nước và yêu cầu hiện đại hóa nền kinh tế, bắt kịp và vận dụng thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Đảng ta bổ sung đặc điểm “là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế” khi định danh mô hình “kinh tế thị trường định hướng xã hội

chủ nghĩa” của Việt Nam; còn lại, về cơ bản, khái niệm này kế thừa nhận thức của các kỳ Đại hội trước.

- Các quan điểm, chủ trương trong Văn kiện Đại hội có tính toàn diện, tính khái quát và hệ thống hóa cao, phản ánh mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đại hội không chỉ tập trung bàn về quá trình và kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội XII, trong 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991), 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và 35 năm đổi mới; mà còn đặc biệt tập trung phản ánh quá trình, kết quả và mục tiêu, định hướng của công tác tổ chức xây dựng Đảng, nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong các giai đoạn đã qua cũng như thời gian tới. Từ đó, lý luận của Đảng về mô hình và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền - vấn đề trọng tâm, xuyên suốt,

mang tính nguyên tắc và có giá trị chỉ đạo chiến lược trong đường lối của Đảng “ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa”<sup>10</sup>. Với chủ đề: “*Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa*”<sup>11</sup>, Đại hội XIII trở thành biểu tượng kết tinh của ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong quá trình kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì một nước Việt Nam “hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”<sup>12</sup> như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu trước lúc đi xa...

Chúc mừng thành công của Đại hội XIII, trong đó có thành công của công tác nhân sự và công tác soạn thảo, thông qua các Văn kiện, đặc biệt là Nghị

quyết Đại hội; lãnh đạo nhiều nước trên thế giới, bạn bè quốc tế đã gửi điện, thư chúc mừng Đảng Cộng sản Việt Nam. Điện chúc mừng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc viết: “Kể từ Đại hội thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đến nay, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam với Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chú trọng tăng cường công tác xây dựng Đảng, dẫn dắt nhân dân Việt Nam đạt được nhiều thành tựu trong thúc đẩy sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đổi mới. Đứng trước tác động của dịch bệnh Covid-19, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát huy vai trò lãnh đạo kiên cường, phòng chống dịch bệnh hiệu quả, duy trì tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, thể hiện ưu thế của chế độ xã hội chủ nghĩa”<sup>13</sup>... Thư của Tổng thống Mỹ Joe Biden có đoạn: “Năm qua đánh dấu kỷ niệm 25 năm quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ. Quan hệ đối tác toàn diện mạnh mẽ, đẩy sức sống mà hai nước chúng ta đã và đang cùng nhau xây dựng là dựa trên nền tảng tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Tôi luôn tự hào ủng hộ mối quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ...”<sup>14</sup>. Thủ

tướng Singapore Lý Hiển Long đánh giá: “Dưới sự lãnh đạo của ngài, Việt Nam đã phát triển vượt bậc trong thập niên vừa qua. Đại hội Đảng lần thứ XIII đánh dấu sự khởi đầu một giai đoạn then chốt mới của quá trình phát triển kinh tế - xã hội tại Việt Nam”<sup>15</sup>... Như vậy, chính đại diện chính phủ của các

nước lớn, các nước trong khu vực và bạn bè quốc tế đã thay chúng ta khẳng định thành công của sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, cũng chính là khẳng định giá trị, ý nghĩa đường lối của Đảng mà Văn kiện Đại hội XIII là sự kế thừa, bổ sung, phát triển và dần hoàn thiện ■

<sup>1</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.9.

<sup>2, 4, 5, 6, 7, 9, 10, 11</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.10, 46, 37, 19, 52, 128, 25, 14.

<sup>3</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.179.

<sup>8</sup> ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.102.

<sup>12</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.512.

<sup>13</sup> Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc gửi điện mừng Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), truy cập ngày 15/3/2021, từ <https://laodong.vn/dai-hoi-xiii/ban-chap-hanh-trung-uong-dang-cong-san-trung-quoc-gui-dien-mung-dai-hoi-xiii-cua-dang-cong-san-viet-nam-874419.ldo>.

<sup>14</sup> Các nước gửi thư mừng Tổng bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng (2021), truy cập ngày 15/3/2021, từ <https://thanhtra.com.vn/chinh-tri/doi-ngoai/cac-nuoc-gui-thu-mung-tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-nguyen-phu-trong-178535.html>.

<sup>15</sup> Các nước gửi thư mừng Tổng bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng (2021), truy cập ngày 15/3/2021, từ <https://thanhtra.com.vn/chinh-tri/doi-ngoai/cac-nuoc-gui-thu-mung-tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-nguyen-phu-trong-178535.html>.



# MỘT SỐ KẾT QUẢ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG NHIỆM KỲ 2016-2021



*Đồng chí Phùng Hữu Phú, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương Báo cáo tại Hội nghị tổng kết nhiệm kỳ 2016-2021; phương hướng, nhiệm vụ công tác nhiệm kỳ 2021-2026 \_ Ảnh: TTXVN*

**I. Về thực hiện chức năng, nhiệm vụ Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoạch định đường lối, chủ trương, đường lối phải triển đất nước**

**1. Hội đồng Lý luận Trung ương đã thực hiện tốt nhiệm vụ tư vấn, cung cấp cơ sở khoa học, góp phần giúp**



Bám sát Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, thực tiễn phát triển đất nước, Hội đồng Lý luận Trung ương đã xây dựng nhiều báo cáo tư vấn có chất lượng<sup>1</sup>, trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các tiểu ban Văn kiện, trong đó tập trung làm rõ những bất cập, hạn chế, những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước, trên cơ sở đó đề xuất bổ sung, hoàn thiện quan điểm, chủ trương, định hướng phát triển. Những đề xuất của Hội đồng đã góp phần cung cấp các luận cứ khoa học giúp Trung ương, Bộ Chính trị ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận quan trọng.

## **2. Thực hiện tốt, hiệu quả Chương trình nghiên cứu lý luận chính trị giai đoạn 2016-2020 (KX.04/16-20)**

Nhiệm kỳ này, Hội đồng Lý luận Trung ương được giao là bộ chủ trì Chương trình nghiên cứu lý luận chính trị KX.04/11-15. Thường trực Hội đồng - Ban Chủ nhiệm Chương trình đã tập trung chỉ đạo hoạt động của Chương trình *chặt chẽ, bài bản, khoa học, hiệu quả*; tổ chức xét chọn đề tài nghiêm túc; tổ chức khảo sát

thực tế trong và ngoài nước; kiểm tra định kỳ các đề tài; định kỳ xây dựng báo cáo chất lọc các kết quả nghiên cứu; quản lý tài chính, nghiệm thu các đề tài kịp thời, đúng tiến độ, hiệu quả, có chất lượng cao.

Các sản phẩm nghiên cứu của 34 đề tài thuộc Chương trình KX.04/16-20 được chất lọc kịp thời, thường xuyên báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, góp phần thiết thực vào việc xây dựng các báo cáo tư vấn trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và quá trình xây dựng dự thảo các văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

## **3. Hoàn thành tốt nhiệm vụ tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011)**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư, Hội đồng Lý luận Trung ương đã thành lập Ban Chỉ đạo Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ

nghĩa xã hội; trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011.

Báo cáo tổng kết khái quát quá trình phát triển nhận thức và tổ chức thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 30 năm qua (Cương lĩnh năm 1991), trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011); phân tích bối cảnh mới và đề xuất, kiến nghị phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; bước đầu đề xuất hệ luận điểm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Kết quả tổng kết thực hiện Cương lĩnh góp phần trực tiếp vào việc chuẩn bị các Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

#### ***4. Tích cực, chủ động tham gia xây dựng dự thảo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng***

Thường trực Hội đồng và nhiều đồng chí Ủy viên Hội đồng tham gia các Tiểu ban, Tổ Biên tập các Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, trực tiếp và tập trung nhất là tham gia Tổ Biên tập Tiểu ban Văn kiện, xây dựng Báo cáo Chính trị và Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng.

Thường trực Hội đồng đã phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động cao, thực sự đóng vai trò nòng cốt trong xây dựng dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn ở nhiều địa phương về quá trình thực hiện Cương lĩnh; chất lọc, tổng hợp kết quả nghiên cứu của Chương trình Nghiên cứu khoa học lý luận giai đoạn 2016-2020 và kết quả của các cuộc hội thảo, tọa đàm chuyên gia, ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên, nhân dân, Hội đồng đã đề xuất nhiều vấn đề lý luận mới trên các lĩnh vực, nổi bật là kiến nghị về xác định chủ đề Đại hội; bổ sung xây dựng Đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước; mục tiêu phấn đấu thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI; về bài học kinh nghiệm và hệ quan điểm chỉ đạo, mục tiêu đến 2025, 2030, 2045; về bổ sung mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội; kiến nghị bổ sung “dân giám sát, dân thụ hưởng” vào phương châm “dân biết, dân làm, dân làm, dân kiểm tra”; kiến nghị những nội dung cốt lõi của ba đột phá chiến

lược;... Về cơ bản, các đề xuất của Hội đồng đã được Tiểu ban Văn kiện, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương và Đại hội chấp thuận đưa vào nội dung Văn kiện. Hội đồng đã được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong xây dựng các Văn kiện Đại hội XIII.

### **5. Tích cực đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch**

Hội đồng đã sớm kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự và xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo 35 của Hội đồng. Hoạt động của Ban Chỉ đạo 35 đã dẫn đi vào nền nếp có chuyển biến tích cực, hiệu quả.

Hội đồng đã tổ chức xây dựng hệ thống luận cứ phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước và sau Đại hội XIII. Đã phối hợp với Hội đồng khoa học các cơ quan Đảng Trung ương và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tổ chức in ấn, phát hành cuốn sách “*Một số luận cứ phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, chống phá Đại hội XIII của Đảng*” (tập I).

Tổ chức 05 cuộc tọa đàm về phê phán các quan điểm sai trái, thù địch,

bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước và sau Đại hội XIII.

Tổ chức nghiên cứu, xây dựng 11 chuyên đề và cử cán bộ tham gia Ban Biên tập cuốn sách “*Giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới*” theo đề nghị của Ban Tuyên giáo Trung ương. Các cán bộ của Hội đồng thường xuyên, trực tiếp viết các bài phê phán các quan điểm sai trái, thù địch và đấu tranh với cá nhân có quan điểm sai trái với chủ trương, đường lối của Đảng đăng tải trên các báo, tạp chí, mạng xã hội.

### **6. Hội đồng đã hoàn thành tốt các công việc được Bộ Chính trị giao**

#### **a. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về lý luận**

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng đã tổ chức 04 cuộc hội thảo lý luận giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc; 02 cuộc hội thảo lý luận với Đảng Cộng sản Cuba; 04 cuộc hội thảo lý luận với Đảng Nhân dân Cách mạng Lào; 04 cuộc Trao đổi lý luận với Đảng Cộng sản Nhật Bản; 01 cuộc với Đảng Cộng sản Pháp; 02 cuộc đối thoại lý luận với Đảng xã hội dân chủ Đức. Ngoài ra, Hội đồng còn phối hợp với Ban Đối

ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, một số viện nghiên cứu tổ chức trao đổi với một số đại sứ, học giả, chuyên gia nước ngoài đến làm việc tại Hà Nội.

Kết quả các cuộc hội thảo, đối thoại lý luận nhìn chung thiết thực, bổ ích. Nội dung các cuộc hội thảo là những vấn đề chính yếu trong đời sống quốc tế và những vấn đề của mỗi đảng, mỗi nước cùng quan tâm. Nhiều kinh nghiệm, nội dung trong các cuộc hội thảo quốc tế được một số cơ quan tham mưu, đơn vị nghiên cứu lý luận của Việt Nam tiếp thu, góp phần tham mưu, tư vấn cho Đảng hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách cũng như chỉ đạo thực tiễn đổi mới. Từ kết quả các cuộc hội thảo lý luận giữa Đảng ta với các đảng bạn, Thường trực Hội đồng chỉ đạo tuyển chọn, phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia biên tập, xuất bản và phát hành 10 ấn phẩm khoa học.

*b. Xây dựng các báo cáo chuyên đề phục vụ Chương trình nghiên cứu, học tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chương trình bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho các Ủy viên Trung ương Đảng khóa XII*

Hội đồng đã tham mưu, tư vấn và làm đầu mối giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng 18 chuyên đề trong Chương trình nghiên cứu, học tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XII. Các chuyên đề nghiên cứu đều được giao cho các cơ quan, các chuyên gia chuẩn bị và Hội đồng tiến hành góp ý, thẩm định<sup>2</sup>. Nhìn chung, các chuyên đề cơ bản đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, học tập của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Hội đồng cũng đã hoàn thành 8 chuyên đề phục vụ các lớp bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho các Ủy viên Trung ương Đảng khóa XII và một số chuyên đề phục vụ các lớp đào tạo nguồn cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước Dân chủ Nhân dân Lào; đồng thời đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan, tổ chức tốt các lớp học. Nói chung, các chuyên đề được học viên đánh giá tốt.

*c. Thực hiện có kết quả một số công việc thường xuyên*

- Thẩm định một số đề án của các ban, bộ, ngành trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng. Tổ chức thực hiện tốt

các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học Bộ Chính trị đặt hàng.

- *Thực hiện tốt, hiệu quả việc phối hợp với các cơ quan, đơn vị*

Trong nhiệm kỳ, trên cơ sở văn bản, kế hoạch hợp tác với các đơn vị<sup>2</sup>. Hội đồng Lý luận Trung ương đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo, tọa đàm, khảo sát thực tế. Các hoạt động phối hợp là thiết thực, hiệu quả, phát huy được các lợi thế của Hội đồng và các đơn vị hợp tác.

- *Nâng cao chất lượng Bản tin, trang thông tin điện tử của Hội đồng và xuất bản sách*

*Bản tin Lý luận và thực tiễn* được phát hành hằng tháng, có nội dung phong phú, có chủ đề trọng tâm và chuyên mục, giới thiệu hoạt động lý luận chính trị và những kết quả nghiên cứu của các chương trình, đề tài cấp nhà nước; kết quả nghiên cứu của giới lý luận trong nước và nước ngoài, góp phần tăng cường đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng ta.

Hội đồng đã xây dựng và đưa vào hoạt động *trang thông tin điện tử*, đánh

dấu bước phát triển quan trọng của Hội đồng, góp phần phục vụ kịp thời công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, nhu cầu khai thác thông tin của các tổ chức, cá nhân.

Hội đồng quan tâm nhiều hơn đến việc *xuất bản sách*<sup>3</sup>, công bố nhiều vấn đề mới về lý luận - thực tiễn, những thành tựu mới trong công tác nghiên cứu lý luận trong và ngoài nước.

## **II. VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY, PHƯƠNG THỨC, ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG**

**1.** Trong nhiệm kỳ 2016-2021, Thường trực Hội đồng luôn quan tâm, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động mọi mặt của Hội đồng, cơ quan Hội đồng:

- Phát huy vai trò đầu mối tập hợp của Hội đồng; đổi mới, tăng cường gắn kết các nội dung hoạt động, các nhiệm vụ của Hội đồng với thực tiễn thông qua việc đẩy mạnh hợp tác, phối hợp với một số bộ, ngành, địa phương, cơ quan nghiên cứu nhằm triển khai công tác nghiên cứu về những vấn đề liên quan.

- Vai trò lãnh đạo của Thường trực Hội đồng được phát huy; vai trò của các tiểu ban chuyên môn được tăng cường.

- Chú trọng, quan tâm đến các chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành, có chuyên môn sâu. Bố trí lực lượng cán bộ phù hợp để hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Hội đồng; kết hợp, bố trí hợp lý giữa lực lượng cán bộ trong và ngoài Hội đồng. Phát huy vai trò của ủy viên Hội đồng, các cộng tác viên chuyên trách, cộng tác viên tư vấn, cộng tác viên theo công việc... trong thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng.

- Tổ chức thực hiện triển khai công việc khoa học, bài bản, chủ động, có kế hoạch và được kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện công việc thường xuyên.

2. Duy trì nền nếp và đổi mới các kỳ họp của Hội đồng, các tiểu ban và Thường trực Hội đồng, của Ban Thư ký khoa học, Cộng tác viên khoa học chuyên trách và Văn phòng Chương trình KX.04/16-20.

Trong nhiệm kỳ 2016-2021, Hội đồng đã tiến hành 15 kỳ họp, nội dung từng kỳ họp bám sát Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và kế hoạch công tác của Hội đồng. Các kỳ họp đều được chuẩn bị kỹ nội dung trước, trong và sau các kỳ họp nên

mang lại hiệu quả thiết thực và chất lượng cao<sup>4</sup>.

Thường trực Hội đồng bám sát công việc, duy trì nền nếp sinh hoạt định kỳ hàng tuần, trao đổi, tháo gỡ các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện công việc nên mang lại hiệu quả cao.

Các tiểu ban Hội đồng được quan tâm, tăng cường hoạt động, phát huy vai trò trong các hoạt động chuyên môn. Các tiểu ban tổ chức nhiều cuộc tọa đàm khoa học, khảo sát thực tế; các hoạt động của các tiểu ban có chiều sâu và chất lượng.

Ban Thư ký khoa học, Cộng tác viên khoa học chuyên trách, Văn phòng Chương trình KX.04/16-20 sinh hoạt đều đặn, thường xuyên, bảo đảm chất lượng.

Văn phòng Hội đồng từng bước được kiện toàn, bảo đảm công tác phục vụ hoạt động của Hội đồng và Cơ quan Hội đồng.

3. Trong nhiệm kỳ 2016-2021, Hội đồng đã ban hành nhiều quy định, quy chế hoạt động làm cơ sở cho việc quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động của Hội đồng; đồng thời cũng coi trọng việc xây dựng môi trường,

phong cách, lễ lối làm việc dân chủ, kỷ cương, khoa học, trách nhiệm, công khai, minh bạch, quan tâm xây dựng, thực hiện văn hóa công sở và chăm lo, động viên tinh thần lao động, sáng tạo của cán bộ, công chức phù hợp với đặc thù của Hội đồng.

4. Trong nhiệm kỳ 2016-2021, cơ sở vật chất, trang thiết bị, các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng đã được Ban Bí thư, Văn phòng Trung ương Đảng quan tâm, hỗ trợ. Trang thông tin điện tử của Hội đồng đã đi vào hoạt động từ năm 2018, đến nay và đã trở thành một địa chỉ tin cậy, có uy tín, thu hút sự quan tâm của đông đảo bạn đọc về những vấn đề lý luận chính trị; đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch.

Hội đồng được đầu tư, nâng cấp một bước cơ sở vật chất, có phòng họp với 70 chỗ ngồi để phục vụ cho các kỳ họp của Hội đồng. Thư viện Hội đồng được xây dựng, đi vào hoạt động cuối năm 2018, tạo thuận lợi cho việc tra cứu thông tin, tư liệu. Thư viện điện tử của Hội đồng đã được đầu tư, xây dựng. Các trang thiết bị phục vụ cho công việc của cán bộ Hội đồng như ô tô, máy tính, máy in, máy photocopy...

được bổ sung, thay thế theo đúng tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước. Mức kinh phí cấp cho Hội đồng, cơ quan Hội đồng trong nhiệm kỳ được bảo đảm, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu hoạt động của Hội đồng.

### **Đánh giá chung**

Qua 05 năm hoạt động của Hội đồng nhiệm kỳ 2016-2021, có thể khẳng định: Hội đồng Lý luận Trung ương đã hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ tư vấn, tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác lý luận chính trị, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; khẳng định việc thành lập, củng cố Hội đồng Lý luận Trung ương là chủ trương đúng đắn của Đảng. Hội đồng đã hoàn thành khối lượng công việc lớn, chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng đã được bảo đảm và nâng lên rõ rệt, đặc biệt là chất lượng các báo cáo tư vấn, góp phần giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các nghị quyết, kết luận sát thực tiễn, kịp thời; chất lượng tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước

trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), đóng góp hiệu quả vào quá trình xây dựng dự thảo Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

Đạt được những kết quả trên là do Hội đồng luôn nhận được sự quan tâm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhất là sự chỉ đạo sát sao của đồng chí Tổng Bí thư và đồng chí Thường trực Ban Bí thư; sự giúp đỡ có hiệu quả của các cơ

quan, ban, bộ, ngành hữu quan, đặc biệt là các cơ quan đảng Trung ương, như Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương và Bộ Khoa học và Công nghệ, cũng như sự nỗ lực, cố gắng của các ủy viên Hội đồng; của cán bộ, công chức, người lao động trong Cơ quan Hội đồng; sự tham gia tích cực, nhiệt tình của các đồng chí cộng tác viên, nổi bật là sự nỗ lực phấn đấu, cộng đồng trách

---

<sup>1</sup> (1) Định hướng giải pháp đột phá nhằm ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ (phục vụ Hội nghị Trung ương 4 khóa XII); (2) Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (phục vụ Hội nghị Trung ương 5 khóa XII); (3) Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân (phục vụ Hội nghị Trung ương 5 khóa XII); (4) Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (phục vụ Hội nghị Trung ương 6 khóa XII); (5) Vấn đề nông nghiệp trong hội nhập quốc tế; (6) Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ (phục vụ Hội nghị Trung ương 7 khóa XII); (7) Cơ sở lý luận thực tiễn xây dựng cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín ngang tầm nhiệm vụ (phục vụ Hội nghị Trung ương 7 khóa XII); (8) Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Chiến lược Biển Việt Nam (phục vụ Hội nghị Trung ương 8 khóa XII); (9)



Quốc gia khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp; (10) Về tổ chức công đoàn trong bối cảnh nước ta tham gia TPP và các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; (11) Một số vấn đề trọng tâm phục vụ xây dựng dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội XIII của Đảng (phục vụ Hội nghị Trung ương 10 khóa XII); (12) Một số vấn đề trọng tâm phục vụ xây dựng Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011 (phục vụ Hội nghị Trung ương 10 khóa XII); (13) Một số vấn đề lý luận - thực tiễn đặt ra và định hướng giải pháp trên một số lĩnh vực lớn trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (phục vụ Hội nghị Trung ương 10 khóa XII).

<sup>2</sup> (1) Về vấn đề nông nghiệp trong hội nhập quốc tế; (2) Vấn đề tổ chức công đoàn trong bối cảnh nước ta tham gia TPP và các hiệp định thương mại tự do thế giới; (3) Quốc gia khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp; (4) Vấn đề xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển Việt Nam; (5) Phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình mới; (6) Nguyên tắc pháp quyền trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; (7) Cơ chế và phân bổ các nguồn lực Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; (8) Phát triển bền vững trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; những yêu cầu đặt ra đối với nước ta trong thời gian tới; (9) Hệ tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại; (10) Mô hình quản lý phát triển xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay; (11) Hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; (12) Những biến động của thế giới và khu vực tác động đến Việt Nam và định hướng ứng phó; (13) Mạng xã hội và An ninh mạng, trong tình hình hiện nay; (14) Xây dựng “thể trận lòng dân”, tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân; (15) Một số vấn đề đặt ra trong lãnh đạo, quản lý văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; (16) Đổi mới phương thức về lãnh đạo kinh tế của Đảng; (17) Cơ chế kiểm soát quyền lực khi bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Ủy ban nhân cùng cấp.

<sup>3</sup> Ban Tổ chức Trung ương, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Tạp chí Cộng sản, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Hà Giang, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

<sup>4</sup> Trong nhiệm kỳ 2016-2021, Hội đồng Lý luận Trung ương đã xuất bản được 41 cuốn sách chuyên khảo phục vụ cho công tác nghiên cứu.

<sup>5</sup> Kỳ họp thứ nhất: Thảo luận về các dự thảo:

- Nội dung công tác chủ yếu và Chương trình làm việc toàn khóa của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016-2021.

- Đổi mới lề lối làm việc và tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016-2021.

- Quy chế làm việc của các tiểu ban Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016-2021.

Kỳ họp thứ hai: Thảo luận về các dự thảo sau:

- Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân.

Kỳ họp thứ ba: Thảo luận về các dự thảo sau:

- Báo cáo tư vấn “Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

- Báo cáo kết quả thực hiện công tác 6 tháng đầu năm 2017; kế hoạch công tác 6 tháng cuối năm 2017 của Hội đồng Lý luận Trung ương.

Kỳ họp thứ tư: Tổ chức Hội thảo khoa học về chủ đề: “Công tác lý luận: Thực trạng, vấn đề và giải pháp”.

Kỳ họp thứ năm: Góp ý vào dự thảo Báo cáo tư vấn: “Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”.

Kỳ họp thứ sáu: Tổ chức Hội thảo khoa học về chủ đề: “Hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”.

Kỳ họp thứ bảy: Góp ý vào các dự thảo:

- Báo cáo tư vấn: “Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”.

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2018, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018 của Hội đồng Lý luận Trung ương.

Kỳ họp thứ tám:

- Hội thảo khoa học về hai chủ đề: “Tiêu chí nước công nghiệp theo hướng hiện đại” và “Tiêu chí nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”.

- Cho ý kiến vào Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng Lý luận Trung ương giữa hai Kỳ họp 7 và 8.

Kỳ họp thứ chín: Cho ý kiến vào dự thảo các văn bản:

- Báo cáo tư vấn “Một số vấn đề trọng tâm phục vụ xây dựng dự thảo Báo cáo Chính trị tại Đại hội XIII của Đảng”.

- Báo cáo tư vấn “Một số vấn đề trọng tâm phục vụ xây dựng Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011”.

- Báo cáo tổng kết công tác năm 2018, phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2019 của Hội đồng Lý luận Trung ương.

Kỳ họp thứ mười: Hội thảo khoa học về chủ đề “Những cơ sở lý luận - thực tiễn về định hướng phát triển đất nước 5 năm 2021-2025 và định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025”.

Kỳ họp lần thứ mười một: Hội thảo khoa học về chủ đề “Mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị Việt Nam phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể trong giai đoạn mới”.

Kỳ họp lần thứ mười hai: Cho ý kiến vào dự thảo:

- Cho ý kiến vào dự thảo Báo cáo tư vấn “Phúc lợi xã hội”.

- Báo cáo tổng kết công tác năm 2019, phương hướng, nhiệm vụ năm 2020 của Hội đồng Lý luận Trung ương.

Kỳ họp lần thứ mười ba: Thảo luận về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau trong dự thảo các văn kiện tại Đại hội XIII của Đảng.

Kỳ họp lần thứ mười bốn: Dự kiến tổ chức, thảo luận về “Báo cáo tổng kết công tác năm 2020, kế hoạch công tác năm 2021 của Hội đồng” (Thường trực Hội đồng không tổ chức do dịch bệnh Covid-19).

Kỳ họp lần thứ mười lăm: Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016-2021.

# HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2016-2021



*Thực hiện Chương trình làm việc toàn khóa, sáng 17-4, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức Hội nghị tổng kết nhiệm kỳ 2016-2021*

**T**hực hiện Chương trình làm việc toàn khóa, sáng 17-4, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức Hội nghị tổng kết nhiệm kỳ 2016-2021, để thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội

đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016-2021 và phương hướng, nhiệm vụ công tác của Hội đồng nhiệm kỳ 2021-2026; đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung

ương Đảng, đồng chí Võ Văn Thường, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, đồng chí Trương Thị Mai, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tổ chức Trung ương, đồng chí Nguyễn Trọng Nghĩa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương và nhiều đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành trung ương tới dự. Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị.

Báo cáo tổng kết công tác của Hội đồng nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã đánh giá, làm rõ 6 nhóm công việc Hội đồng đã thực hiện trong nhiệm kỳ. Đó là: Hội đồng Lý luận Trung ương đã thực hiện tốt nhiệm vụ tư vấn, cung cấp cơ sở khoa học, góp phần giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoạch định đường lối, chủ trương, đường lối phải triển đất nước; Hội đồng đã tổ chức triển khai, quản lý chặt chẽ, bài bản, khoa học, hiệu quả Chương trình nghiên cứu lý luận chính trị giai đoạn 2016-2020 (KX.04/16-20).

Các sản phẩm nghiên cứu của Chương trình được chất lọc kịp thời, thường xuyên báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, góp phần thiết thực vào việc xây dựng các báo cáo tư vấn trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và quá trình xây dựng dự thảo các văn kiện Đại hội XIII của Đảng; Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011); Thường trực Hội đồng và nhiều đồng chí Ủy viên Hội đồng tham gia các Tiểu ban, Tổ Biên tập các Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, trực tiếp và tập trung nhất là tham gia Tổ Biên tập Tiểu ban Văn kiện, xây dựng Báo cáo Chính trị và Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng; Tích cực đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch. Hoạt động của Ban Chỉ đạo 35 đã dẫn đi vào nền

nếp có chuyển biến tích cực, hiệu quả, đã tổ chức xây dựng hệ thống luận cứ phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trước và sau Đại hội XIII; Hội đồng đã sớm kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự và xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo 35 của Hội đồng.

Thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí Thư, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu ý kiến đánh giá cao những kết quả công tác của Hội đồng Lý luận Trung ương nhiệm kỳ 2016 - 2021. Những kết quả quan trọng, tương đối toàn diện mà Hội đồng đã đạt được trong nhiệm kỳ 2016-2021 là rất đáng trân trọng.

Tổng Bí thư hoan nghênh và ghi nhận tinh thần trách nhiệm, tích cực, chủ động của Hội đồng, các tiểu ban của Hội đồng, nổi bật là Thường trực Hội đồng trong việc tham gia xây dựng dự thảo văn kiện Đại hội XIII của Đảng, trọng tâm là dự thảo Báo cáo chính trị, dự thảo Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng. Thường trực Hội đồng và nhiều đồng chí ủy viên Hội

đồng là nòng cốt của Tổ Biên tập văn kiện Đại hội XIII đã làm việc một cách chủ động, nghiêm túc, khoa học, cầu thị, với tâm huyết, ý thức trách nhiệm cao, thực sự đóng vai trò quan trọng trong quá trình xây dựng dự thảo các văn kiện. Nhiều vấn đề do Hội đồng đề xuất trên cơ sở chặt chẽ, tổng hợp kết quả tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tiếp thu ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các nhà khoa học, cán bộ, đảng viên và nhân dân đã được Tiểu ban văn kiện, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương và Đại hội xem xét, chấp nhận đưa vào các văn kiện Đại hội XIII của Đảng, được cán bộ, đảng viên, nhân dân đồng tình, đánh giá cao.

Tổng Bí thư biểu dương những đóng góp tích cực, tâm huyết của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, nghiên cứu lý luận cả nước cũng như sự phối hợp, giúp đỡ có hiệu quả của các cơ quan, ban, bộ, ngành hữu quan, của cán bộ, công chức, người lao động trong Cơ quan Hội đồng và các đồng chí cộng tác viên, đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng.

Đề cập phương hướng công tác của Hội đồng trong nhiệm kỳ tới, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: Trước hết, cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc yêu cầu công tác lý luận trong thời kỳ mới. Đại hội XIII của Đảng xác định tầm nhìn chiến lược và lộ trình, bước đi rất cụ thể để phát triển đất nước trong 5 năm, 10 năm, 25 năm tới. Bối cảnh quốc tế và yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước trong thời kỳ mới đòi hỏi Đảng ta phải tiếp tục đẩy mạnh đổi mới tư duy phát triển trên cơ sở phát huy tiềm năng, vị thế, điều kiện thực tiễn của chúng ta, phù hợp với xu thế phát triển của thế giới, thời đại.

Để phục vụ cho nhiệm vụ lớn lao ấy, Hội đồng phải tập trung nâng cao hơn nữa chất lượng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Nâng cao chất lượng, hiệu quả tư vấn về lý luận chính trị giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Với trách nhiệm được giao, Hội đồng cần chủ động, thể hiện tốt vai trò là đầu mối phối hợp với các ban, bộ, ngành trung ương, các cấp ủy địa

phương, các cơ quan và đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chính trị cả nước trong hoạt động tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận.

Hội đồng Lý luận Trung ương phải xây dựng được cơ chế và môi trường thảo luận, tranh luận, đối thoại lý luận trên tinh thần khoa học, dân chủ, cầu thị; thật sự trân trọng những ý tưởng, những đề xuất lý luận có giá trị, hữu ích cho sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và cho quốc kế dân sinh. Phát huy dân chủ, tự do tư tưởng trong nghiên cứu lý luận vì lợi ích của đất nước, dân tộc; đồng thời chủ động, kiên quyết, thường xuyên đấu tranh không khoan nhượng với các luận điểm phản động, thù địch, xuyên tạc; bảo vệ nền tảng tư tưởng, đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hội đồng Lý luận Trung ương cần được tiếp tục kiện toàn, đổi mới để đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn mới. Thực tiễn 25 năm với 5 nhiệm kỳ hoạt động, Hội đồng đã khẳng định được vai trò, vị thế của mình trong hệ thống các tổ chức đảng ở Trung ương, là cơ quan trực thuộc Bộ Chính trị, chịu sự lãnh

đạo, chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, là cơ quan tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận của Đảng, làm công tác tham mưu, tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các vấn đề lý luận chính trị phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; phục vụ việc hoạch định, phát triển và hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Phát biểu tại kỳ họp, các thành viên Hội đồng bày tỏ niềm vui và ý thức trách nhiệm cao trước những đánh giá của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về kết quả công tác của Hội đồng trong nhiệm kỳ 2016-2021. Các đại biểu cũng trao đổi làm phong phú thêm nhiều nội dung trong Báo cáo tổng kết của Hội đồng. Trên cơ sở tổng kết sâu sắc nhiệm kỳ 2016-2021, các thành viên Hội đồng nhất trí cho rằng, trong nhiệm kỳ 2021-2026, Hội đồng cần tập trung thực hiện tốt những trọng tâm sau: Bám sát Chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị khóa XIII để chủ động tham mưu, tư

vấn về lý luận chính trị giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành các nghị quyết, kết luận cụ thể hóa văn kiện Đại hội XIII và chuẩn bị dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng; Quản lý, tổ chức thực hiện tốt Chương trình nghiên cứu lý luận chính trị giai đoạn 2021-2025; Chủ động tổ chức tổng kết 40 năm đổi mới, góp phần hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tổng kết những vấn đề lý luận, thực tiễn qua 50 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Chuẩn bị cho tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, trong đó có 20 năm thực hiện Cương lĩnh 2011; Tiếp tục triển khai kịp thời, hiệu quả việc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phê phán những quan điểm sai trái, thù địch; Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về lý luận và hợp tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với một số ban, ngành, địa phương; Tổ chức thực hiện tốt những nhiệm vụ mà Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao, v.v. ■